

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 542/SBH-TCKT  
V/v công bố báo cáo thường niên  
năm 2020

Phú Yên, ngày 06 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 02C Trần Hưng Đạo-Phường 1-TP Tuy Hòa - tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Lý - Tổng Giám đốc Công ty
6. Điện thoại: 0257.2470.999
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/04/2021 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc (<http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2020.

**Nơi nhận:**

- Như trên (hard-copy);
- HDQT (kính b/c) (e-copy);
- BKS (đề biết) (e-copy);
- Website công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

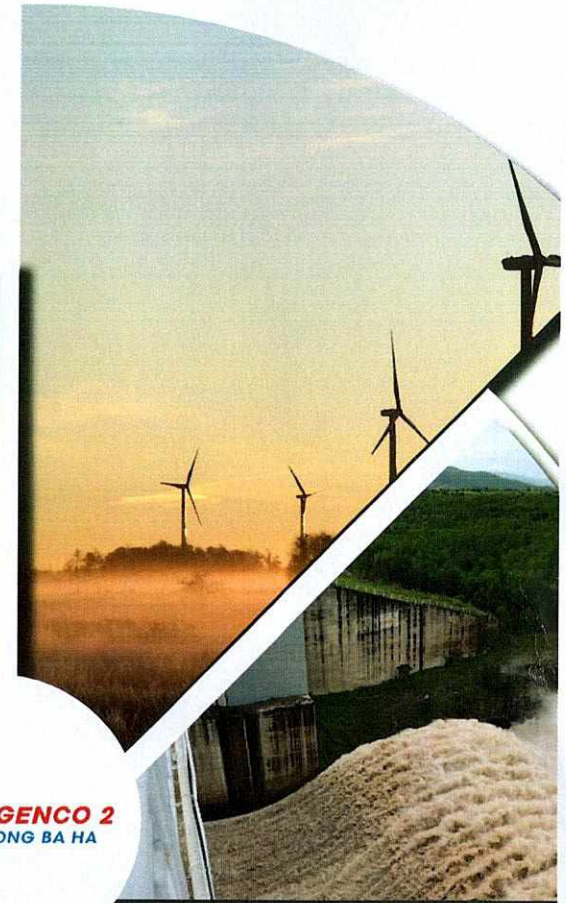
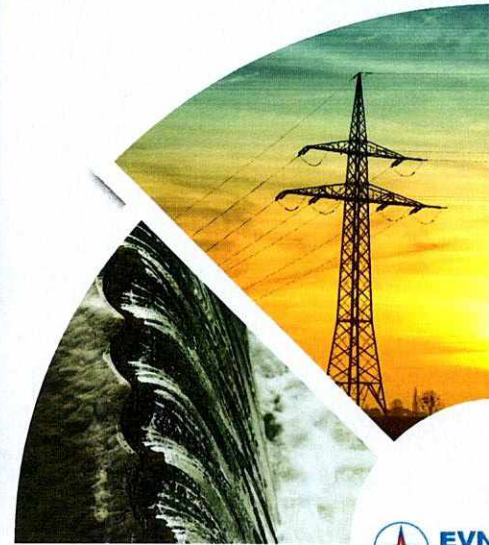
**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



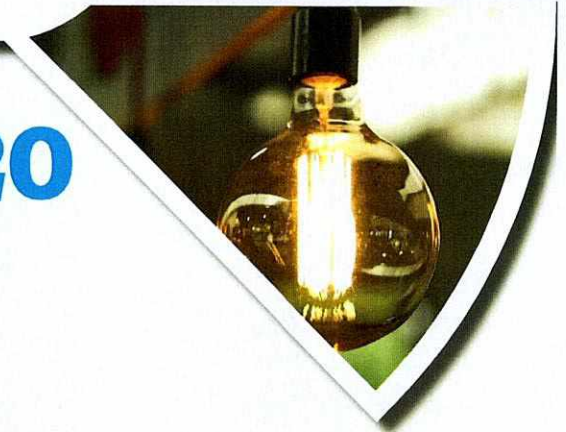
Trần Lý



**SÁNG MÃI  
NIỀM TIN**



**BÁO CÁO 2020  
THƯỜNG NIÊN**



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ  
02C Trần Hưng Đạo, Phường 01, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên  
Số điện thoại: (025) 7381 1456  
Số fax: (025) 7381 1455  
Website: <http://sbh.vn/>

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**



# MỤC LỤC

---

**THÔNG TIN CHUNG**

**01**

---

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH TRONG NĂM 2020**

**02**

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**03**

---

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

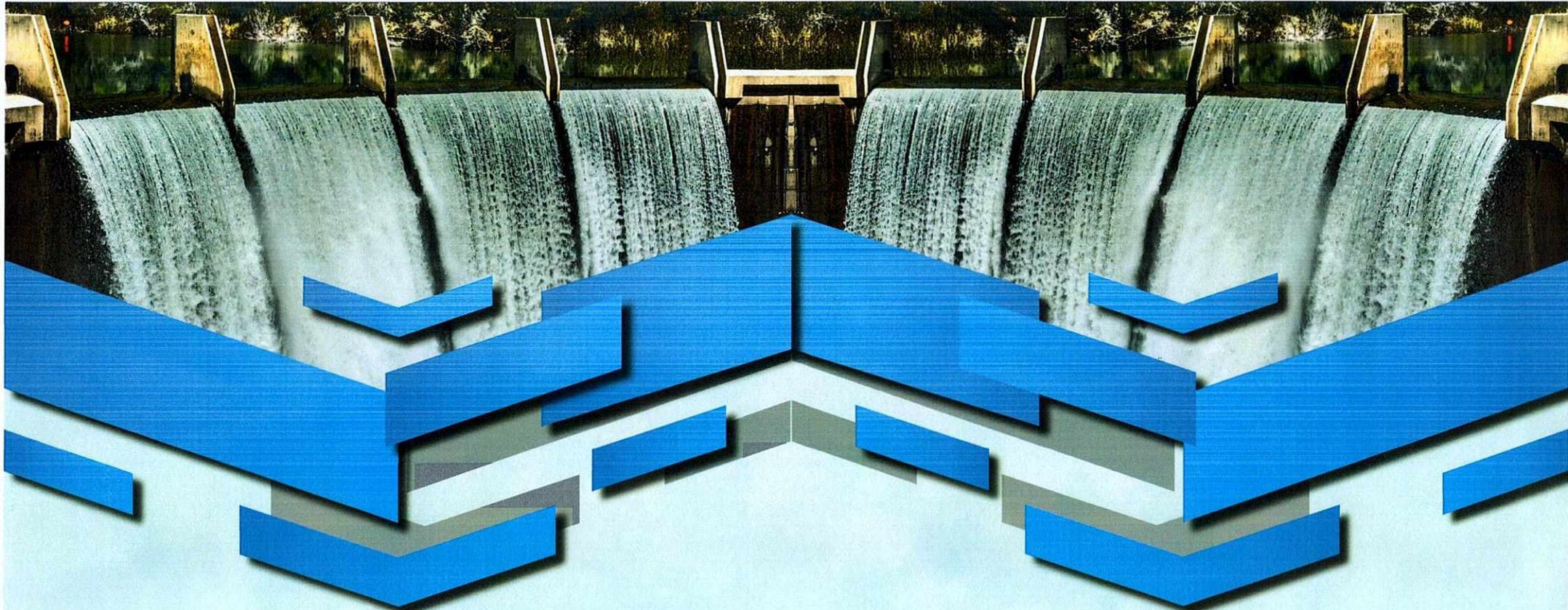
**04**

---

**BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**05**





# PHẦN I

## **THÔNG TIN CHUNG**

---

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức**


**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**Định hướng phát triển**

**Các nhân tố rủi ro**



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|   |   |  |
|---|---|--|
| Tên công ty                                   | : | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ</b>  |
| Tên tiếng anh                                 | : | <b>SONG BA HA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY</b>   |
| Mã cổ phiếu                                   | : | SBH  |
| Sàn chứng khoán                               | : | UPCOM  |
| Logo  | : |   |
| Giấy CNĐKDN                                   | : | 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/03/2018 |
| Vốn điều lệ                                   | : | 1.242.250.000.000 đồng   |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 | : | 2.350.313.777.345  |
| Địa chỉ                                       | : | 02C Trần Hưng Đạo – Phường 1 – Thành phố Tuy Hòa – Tỉnh Phú Yên  |
| Số điện thoại                                 | : | (025) 7381 1456  |
| Số fax  | : | (025) 7381 1455  |
| Website                                       | : | <a href="http://sbh.vn/">http://sbh.vn/</a>  |





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**Ngày 04/03/2007** Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Công văn số 1055/CV-EVN-CPH&CK V/v: Thành lập Công ty cổ phần.

**Ngày 03/04/2007** Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 384/2007/QĐ-TTg V/v phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa các đơn vị thuộc EVN giai đoạn 2007 - 2008.

**Ngày 16/05/2007** Hội đồng Quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Công văn số 380/CV-EVN-HDQT V/v thực hiện Chương trình cổ phần hóa các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2007 - 2008 thực hiện theo Quyết định số 384/2007/QĐ-TTg ngày 03/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

**Ngày 25/05/2007** Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Văn bản số 2599/CV-EVN-TCCB&ĐT+TCKT V/v: Đăng ký góp vốn thành lập Công ty Cổ phần.

**Ngày 12/06/2007** Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Văn bản số 2963/CV-EVN-TCCB&ĐT V/v: Góp vốn thành lập 08 Công ty Cổ phần phát điện.

**NĂM 2007**

**Ngày 15/06/2007** Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Văn bản số 3055/CV-EVN-TCCB&ĐT V/v: Thành lập các Công ty Cổ phần phát điện.

**Ngày 03/07/2007** Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Văn bản số 3399/CV-EVN-CPH&CK V/v: Lựa chọn Tư vấn thành lập các Công ty Cổ phần phát điện.

**Ngày 02/10/2007** Hội đồng Quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Nghị Quyết số 792/NQ-EVN-HDQT V/v: Thông qua phương án thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

**Ngày 27/12/2007** Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông lần đầu thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

**Ngày 28/12/2007** Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu với vốn điều lệ đăng ký 1.280 tỷ đồng và 3 cổ đông sáng lập là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Điện lực 2 và Công ty Điện lực 3.

**NĂM 2014**

**Ngày 31/12/2014**

Tổng vốn thực góp của Công ty đạt 1.242,25 tỷ đồng và đăng ký vốn điều lệ mới bằng vốn thực góp

**NĂM 2016**

**Ngày 17/10/2016** Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần thứ 2 với số vốn điều lệ thực góp 1.242,25 tỷ đồng.

**Ngày 17/10/2016** Công ty quản lý vận hành và khai thác Nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ có công suất thiết kế 220MW và sản lượng điện trung bình 750 triệu kwh/năm. Qua 10 năm trưởng thành, Công ty đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh vai trò bổ sung nguồn điện năng phát triển kinh tế vùng, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đóng góp vào ngân sách nhà nước, Công ty được đánh giá cao trong công tác điều tiết nước từ hồ thủy điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân trên địa bàn.

Công ty tiếp tục phát huy những kết quả đã được đạt được trong những năm qua thông qua cụ thể hóa các mục tiêu, triển khai quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các giải pháp nhằm thực hiện tốt các nhiệm đề ra.

**NĂM 2018**

**Ngày 09/01/2018** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có Công văn số 195/UBCK-GSDC về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

**Ngày 08/03/2018** Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/03/2018.

**Ngày 10/05/2018** Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 31/2018/GCNCP-VSD cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

**NĂM 2020**

## CÁC DANH HIỆU CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

**Bảng khen của UBND tỉnh Phú Yên:** Quyết định số 252 ngày 28/02/2012 đã có thành tích xuất sắc trong nghĩa vụ nộp thuế năm 2012.

**Bảng khen Bộ Công thương:**

- Quyết định số 183/QĐ-BCT ngày 11/01/2013 có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012
- Quyết định số 2309/QĐ-BCT ngày 26/06/2017 có thành tích phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016.

**Bảng khen Bộ Tài chính:** Quyết định số 904/QĐ-BTC ngày 22/05/2017 đã có thành tích kê khai, nộp thuế năm 2016.



## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

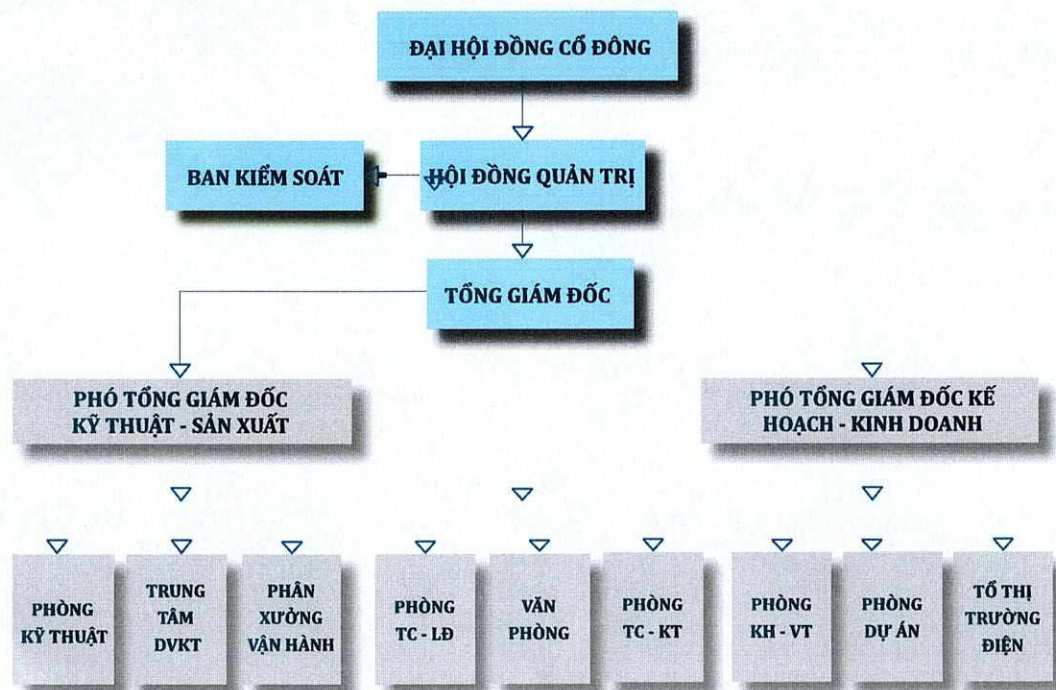
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

### BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện.
- Dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp. Dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp. (Mã số: 3510)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp. (Mã số: 7110)
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh du lịch và các dịch vụ kèm theo. (Mã số: 7912)

Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Phú Yên





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Hoàn thành các hạng mục công trình với tiêu chí thi công an toàn, chất lượng và uy tín.
- Công ty luôn đề cao lợi ích của các Cổ đông theo quy định của pháp luật.
- Luôn từng bước mở rộng lĩnh vực đầu tư và kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông, người lao động và sự phát triển của xã hội.
- Công ty luôn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề, đặc biệt là thường xuyên đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dùng nhằm nâng cao năng lực sản xuất.
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và luôn có trách nhiệm với cộng đồng.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Nghiên cứu mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, đặc biệt là những ngành nghề Công ty có thế mạnh.
- Tiếp tục phát huy năng lực hiện có sản lượng điện thương phẩm luôn đạt và vượt bình quân hàng năm. Tìm kiếm các dự án có hiệu quả phù hợp với năng lực và mô hình của Công ty để đầu tư, từng bước thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty trên lĩnh vực đã được đăng ký trong giấy phép kinh doanh.
- Công ty luôn tăng cường quản lý vận hành, quản lý kỹ thuật, đảm bảo vận hành phát điện ổn định, liên tục, an toàn O2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia và thị trường điện.
- Luôn đảm bảo thực hiện tốt 08 chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tăng thời gian khả dụng của các tổ máy. Thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên các hệ thống thiết bị phụ trợ và giữ vệ sinh môi trường theo đúng quy định. Đồng thời, nâng cao khả năng dự báo, triển khai các biện pháp nhằm phát hiện kịp thời các nguy cơ sự cố, thực hiện các biện pháp ngăn ngừa để giảm số lần sự cố và khắc phục kịp thời các sự cố tiềm ẩn nhằm đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ, giảm thiểu tối đa các chi phí phát sinh, gia tăng lợi nhuận.
- Phát huy hiệu quả hệ thống đo lường chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty thường xuyên nghiên cứu, tính toán chiến lược chào giá bán điện hợp lý để được thị trường huy động sản xuất, tối đa hóa doanh thu trong thị trường phát điện cạnh tranh và sau này là thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Dựa trên tiềm năng nội lực sẵn có và nhu cầu cấp thiết của thị trường về năng lượng, Công ty luôn nghiên cứu thêm các năng lượng mới như: điện gió, năng lượng mặt trời,... và các ngành liên quan nhằm mở rộng quy mô sản xuất đồng thời triển khai kinh doanh thêm những lĩnh vực khác.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thân thiện, tạo động lực cho mỗi cá nhân phát huy hết năng lực cống hiến cho sự phát triển bền vững và nâng cao vai trò, uy tín của Công ty.





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường như: thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên.
- Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền phòng chống lụt bão cho người dân địa phương, công tác bảo vệ môi trường góp phần điều tiết lũ.
- Xây dựng quang cảnh môi trường xanh sạch đẹp xung quanh khu vực Nhà máy, thường xuyên tổ chức thu gom, xử lý rác thải theo đúng các quy định ngành của Nhà nước. Và phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.
- Về xã hội và cộng đồng: Hằng năm, Công ty phối hợp với địa phương hỗ trợ, xây nhà tình nghĩa, tặng quà, quan tâm giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình neo đơn và những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Nhà máy và địa phương tỉnh Phú Yên.





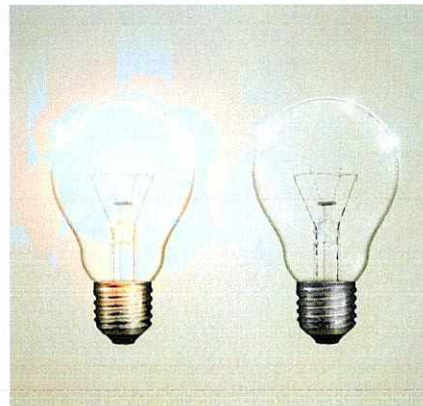


### Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất điện cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ chủ yếu trong lĩnh vực năng lượng và đóng vai trò to lớn trong việc cung cấp nguồn năng lượng cho hệ thống điện cả nước, cho nên hoạt động chính của SBH chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô của nền kinh tế.

Năm 2020 vừa qua là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối của nhiệm kỳ, của kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 tạo bước chạy đà cho giai đoạn mới sau khoảng thời gian nền kinh tế Việt Nam chống chọi với đại dịch Covid-19 bắt đầu từ cuối năm 2019. Nhưng nhờ có những bước đi nhất quán, tập trung thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa nỗ lực phục hồi và phát triển Kinh tế - Xã hội trong trạng thái bình thường mới của Chính phủ, Việt Nam năm 2020 ghi nhận mức tăng trưởng dương 2,91% và được đánh giá là quốc gia duy nhất trong ASEAN, thuộc số ít quốc gia trên thế giới tăng trưởng dương. Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát bình quân năm 2020 cũng được kiểm soát chặt chẽ dưới mức 4%, tăng trưởng lần lượt là 3,23% và 2,31%.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ là yếu tố đầu vào rất quan trọng của toàn bộ nền kinh tế - đó chính là năng lượng điện. Vì vậy, sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng từ đó tác động trực tiếp đến Ngành điện nói chung và SBH nói riêng. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Công ty chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng và nhà cung cấp.



### Rủi ro lãi suất

Trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế, để phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính quốc tế và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định thực hiện 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất vào ngày 17/03, 13/05 và 01/10/2020. Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án xây dựng của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ Tổng Công ty Phát điện 2 theo Hợp đồng số 02/GENCO2-SÔNG BA HẠ/TCKT ngày 12/12/2016 từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng số hạn mức tín dụng là 380 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với lãi suất biên 1%, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần được tham chiếu với 4 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Do đó, nếu lãi suất cho vay của ngân hàng biến động theo chiều hướng tăng, thì chi phí lãi vay tăng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh cũng như kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro biến động lãi suất, SBH đã chủ động tìm kiếm nguồn vốn đi vay có lãi suất thấp từ các tổ chức tín dụng, các ngân hàng hoặc từ các doanh nghiệp cùng đơn vị cho các dự án điện cũng như công tác xây dựng sửa chữa của Công ty.

### Rủi ro pháp luật

Với sự phát triển của nền kinh tế, Chính phủ đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, đơn giản hóa các thủ tục pháp lý nhằm hỗ trợ cho mọi dự án thủy điện. Hiện nay, các dự án thủy điện vẫn bị rào chắn chủ yếu trong khâu đề bù, giải phóng mặt bằng và chính sách giá mua bán điện của Nhà nước do chưa hoàn toàn phù hợp với mặt bằng chung của thị trường.

Thêm vào đó, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu điều chỉnh bởi các quy định chuyên ngành như Luật Điện lực 2004, Luật Đất đai 2003, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Môi trường và các thông tư nghị định liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện. Đặc biệt, trong lĩnh vực này có rất nhiều quy định, quy trình an toàn nghiêm ngặt. Do vậy, những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, SBH luôn chú trọng nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật, chính sách mới, đồng thời phổ biến và đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên từ đó làm bước đệm xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai dịch vụ tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.





### Rủi ro đặc thù ngành

#### Rủi ro liên quan đến yếu tố thời tiết

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện.

Đặc tính Ngành Thủy điện là phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thủy văn và thời tiết. Hoạt động của các nhà máy thủy điện dựa vào sức nước làm quay các tuabin, phát ra điện năng. Do đó, sản lượng điện của các nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước cung cấp. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, dẫn đến giảm sút sản lượng điện sản xuất. Ngược lại, nếu tần suất mưa lớn kéo dài gây lũ quét cũng có thể gây hư hại tổn thất cho các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ nằm ở bậc thang cuối cùng trên sông Ba, vị trí đập thuộc địa phận tỉnh Phú Yên, và cũng là nơi chịu tác động nặng nề bởi những đợt nắng nóng, hạn hán khốc liệt nhất trong những tháng đầu năm 2020. Theo thông tin từ Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ, lưu lượng nước về hồ chứa Thủy điện Sông Ba Hạ rất thấp, dao động khoảng  $10\text{m}^3/\text{s} - 19\text{m}^3/\text{s}$ , tương ứng với tần suất khoảng 90 - 95%, khiến mực nước hồ dưới mức quy định ( $103.15\text{m}/103.50\text{m}$ ) của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba ban hành kèm Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 18/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến sản lượng điện sản xuất suy giảm đồng thời việc đảm bảo cấp nước tưới cho 14.880 ha sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt vùng hạ du sông Ba cho mùa khô gặp rất nhiều khó khăn.

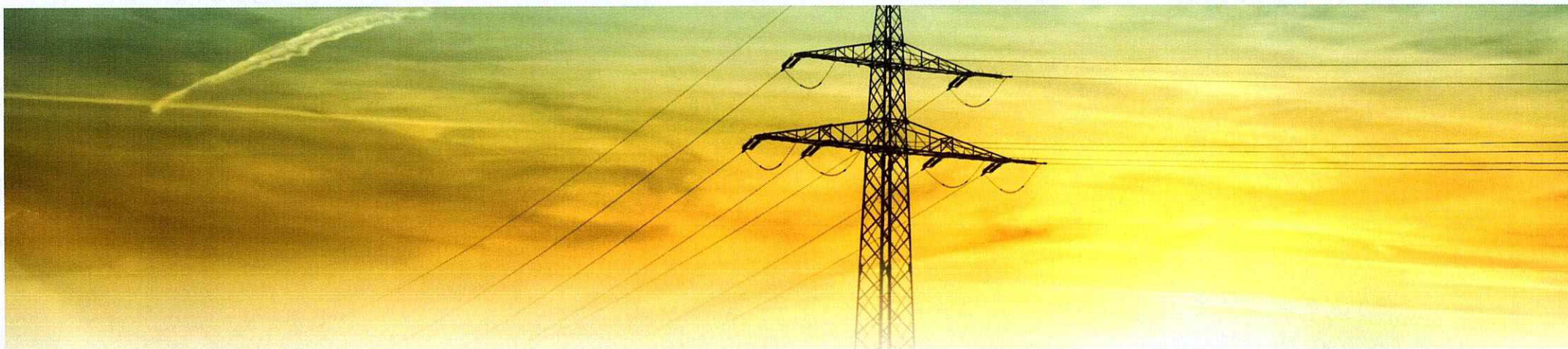
Để hạn chế rủi ro về thời tiết, Công ty luôn ý thức về việc cập nhật, theo dõi thông tin thời tiết, chủ động điều chỉnh kế hoạch vận hành nhà máy cũng như lên phương án phòng tránh nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi. Ngoài ra, trong quá trình lập, thiết kế và xây dựng nhà máy và các công trình hồ, đập, SBH cũng đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc thiết kế, xây dựng công trình thủy điện nhằm đảm bảo công trình được an toàn khi có những tác động bất lợi xảy ra như bão, lũ...

### Rủi ro quá tải lưới truyền tải điện

Trong năm 2020, có thể thấy sự sôi động trong lĩnh vực năng lượng Việt Nam, đặc biệt là sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân trong mảng Năng lượng tái tạo. Báo cáo tổng kết năm 2020 của Bộ Công Thương cho biết giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam đạt được bước phát triển đột phá về năng lượng tái tạo. Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ đã tạo động lực mạnh mẽ, thu hút các nhà đầu tư tham gia sản xuất điện mặt trời. Tính đến cuối năm 2020, tổng công suất các nguồn điện từ năng lượng tái tạo của Việt Nam đã đạt khoảng 6.000 MW, trong đó có khoảng 6.364 MWp điện mặt trời (tương ứng khoảng 5.290 MW), khoảng 500 MW điện gió và 325 MW công suất điện sinh khối; tổng công suất của điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối đã chiếm xấp xỉ 10% tổng công suất đặt của hệ thống điện. Sản lượng điện năng cung cấp từ các nguồn năng lượng tái tạo đã tăng dần từ mức không đáng kể là 320 triệu kWh, chiếm khoảng 0,41% toàn hệ thống năm 2016 lên khoảng 8 tỷ kWh, chiếm 2,53% toàn hệ thống vào năm 2020. Tuy nhiên, việc phát triển quá nhanh chóng của các nguồn năng lượng tái tạo trong thời gian ngắn đã đặt ngành điện vào một khó khăn mới đó là vấn đề đầu nối quá tải. Các nhà máy Điện Mặt Trời tại các khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Gia Lai đồng loạt phát điện trong khi công suất đường dây không đáp ứng đã gây quá tải lưới điện tại các địa điểm này. Nhiều nhà máy Năng lượng tái tạo, kể cả Điện Mặt Trời lẫn Điện gió buộc phải giảm công suất để đảm bảo việc điều độ và dự kiến việc giảm tải này sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới.

### Rủi ro khác

Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty cũng bị tác động bởi những rủi ro bất khả kháng như: động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Từ thực tế đó đòi hỏi SBH luôn chủ động phòng ngừa, có biện pháp xử lý kịp thời khi có vấn đề xảy ra. Để giảm thiểu rủi ro này, SBH tiến hành mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho Công ty, cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư.







**PHẦN II**

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2020**

**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình đầu tư, thực hiện dự án**

**Tình hình tài chính**

**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường**



### **TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGÀNH NĂNG LƯỢNG NĂM 2020**

Ngành năng lượng luôn là ngành mũi nhọn của các quốc gia, đồng thời, năng lượng vừa là ngành sản xuất, vừa là ngành kết cấu hạ tầng cho toàn bộ nền kinh tế - xã hội, là động lực cho quá trình phát triển của đất nước. Vì vậy, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong những năm gần đây, ngành năng lượng liên tiếp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng tăng, dẫn đến nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao, trong khi đó lượng nước đổ về các hồ thủy điện lại sụt giảm nghiêm trọng do biến đổi khí hậu, thêm vào đó, tình hình cung cấp nhiên liệu, nhất là cung cấp than cho các nhà máy nhiệt điện gặp khó khăn do năng lực sản xuất than của các mỏ đã đến giới hạn. Ngoài ra, tình hình Biển Đông có những diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí, tiềm năng dầu khí ở vùng nước nông không còn nhiều, nhiều mỏ dầu khí chủ lực đang trong giai đoạn suy kiệt, sản lượng giảm mạnh.

Tuy nhiên, năm 2020 thực sự là quãng thời gian đầy khó khăn đối với ngành Năng lượng Việt Nam, trong đó có ngành Điện lực. Sự lây lan mạnh mẽ của dịch bệnh và chịu ảnh hưởng lớn từ diễn biến thời tiết cực đoan, nhu cầu tiêu thụ điện giảm tốc do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, sản lượng điện thương phẩm năm 2020 chỉ tăng 3,1% so với năm 2019 và sản lượng của các nhà máy thủy điện, các loại hình phát điện khác chịu tác động nặng nề.

#### **CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY ĐIỆN TRONG NĂM 2020**

Năng lượng tái tạo từ thủy điện được cho là dễ huy động và là nguồn năng lượng rẻ nhưng sản lượng điện sản xuất lại phụ thuộc lớn vào tình hình thời tiết (lượng mưa) và biến đổi khí hậu mỗi năm nên thường không ổn định. Cụ thể, trong 7 tháng đầu năm 2020, tổng sản lượng phát điện từ các nhà máy thủy điện suy giảm 21% do tình hình thời tiết khô hạn. Trong 5 tháng cuối năm, sự chuyển pha từ El Nino sang La Nina đã tạo ra trạng thái thời tiết trái ngược hoàn toàn. Lượng mưa tăng giúp cho các nhà máy thủy điện tăng trưởng mạnh về sản lượng (+49% yoy).

### **NHU CẦU TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG TĂNG TRƯỞNG CHẬM LẠI DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19**

Nhu cầu tiêu thụ điện tại Việt Nam trong thời gian qua đạt con số tăng trưởng cao và ổn định nhờ tăng trưởng của nền kinh tế, đặc biệt là của nhóm ngành sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện tiêu thụ hàng năm đạt mức 10%. Trong năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn tới nhiều lĩnh vực kinh tế, khiến tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ điện sụt giảm. Sản lượng điện thương phẩm toàn quốc năm 2020 tăng 2,9%, thấp hơn khá nhiều so với tăng trưởng bình quân trong giai đoạn gần đây và thấp hơn so với mức dự kiến đầu năm của Bộ Công Thương là 8,86%.

#### **QUY HOẠCH ĐIỆN VIII**

Theo Đề án “Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2045” (Quy hoạch điện VIII) vào tháng 10/2020 đã triển khai nhằm đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện trước việc thỏa mãn nhu cầu tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân, Đảng và Chính phủ chủ trương tập trung phát triển năng lượng tái tạo, ưu tiên sử dụng các tài nguyên nắng, gió và hạn chế các tài nguyên hóa thạch đang ngày càng cạn kiệt do năng lượng sạch trở thành xu hướng mới của thế giới, và Việt Nam là nước có tiềm năng lớn về điện mặt trời, điện gió. Về nguồn điện, báo cáo của Bộ Công Thương dự kiến tới năm 2030 công suất đặt toàn hệ thống dự kiến đạt khoảng 138.000 MW và tới năm 2045 khoảng 302.000 MW, trong đó ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng từng vùng/miền bảo đảm an toàn hệ thống; nhiệt điện than có xu hướng giảm dần, tăng nhanh nhiệt điện khí trong cơ cấu phát triển nguồn điện. Viện Năng lượng lưu ý sản lượng than chỉ có thể cung cấp cho 14 GW nhiệt điện than nội hiện có, các nhà máy nhiệt điện chuẩn bị vận hành như Thái Bình II, Hải Dương, Nam Định I, An Khánh II đều phải xem xét sử dụng than trộn. Năm 2019, Việt Nam đã phải nhập khẩu 5 triệu tấn than atraxit để bù than cho các nhà máy than nội. Về khả năng cung cấp khí trong nước cho phát điện, khí cung cho sản xuất điện năm 2020 là 7,7 tỷ m<sup>3</sup>, năm 2025 là 14,6 tỷ m<sup>3</sup> chủ yếu từ mỏ Cá Voi Xanh và lô B; năm 2030 là 9,2 tỷ m<sup>3</sup>; 2030-2045 là 7,7 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Theo Viện Năng lượng, khí lô B chỉ đủ cấp cho trung tâm điện lực Ô Môn (3.800 MW) khí của các mỏ nhỏ không đủ cấp cho nhiệt điện Kiên Giang. Khí Cá Voi Xanh chỉ đủ cấp cho 5 nhà máy đã quy hoạch (5x750 MW). Trong khi đó, mỏ khí Kèn Bầu hiện chưa có kết quả rõ ràng về thành phần khí và quy mô khai thác hàng năm. Thêm vào đó, nhu cầu vốn đầu tư hàng năm cho chương trình phát triển nguồn và lưới điện lên tới khoảng 13 tỷ USD/năm giai đoạn 2021-2030 trong khi yêu cầu ngày càng cao về môi trường của các tổ chức quốc tế trong việc xem xét các khoản tín dụng hỗ trợ phát triển nguồn và lưới điện cũng đặt ra nhiều áp lực và thách thức cho việc thực hiện thành công Quy hoạch điện VIII. Với tình hình thời tiết bất lợi và hiện tượng El Nino kéo dài từ cuối năm 2019 đến nay thì năm 2020 là một năm không mấy thuận lợi đối với các doanh nghiệp sản xuất điện từ nguồn tài nguyên nước. Lượng dòng chảy trên các sông, suối giảm so với trung bình nhiều năm làm cho sản lượng điện năm 2020 của hầu hết các doanh nghiệp thủy điện rơi chung và CHP nói riêng đều sụt giảm so với cùng kỳ.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2020

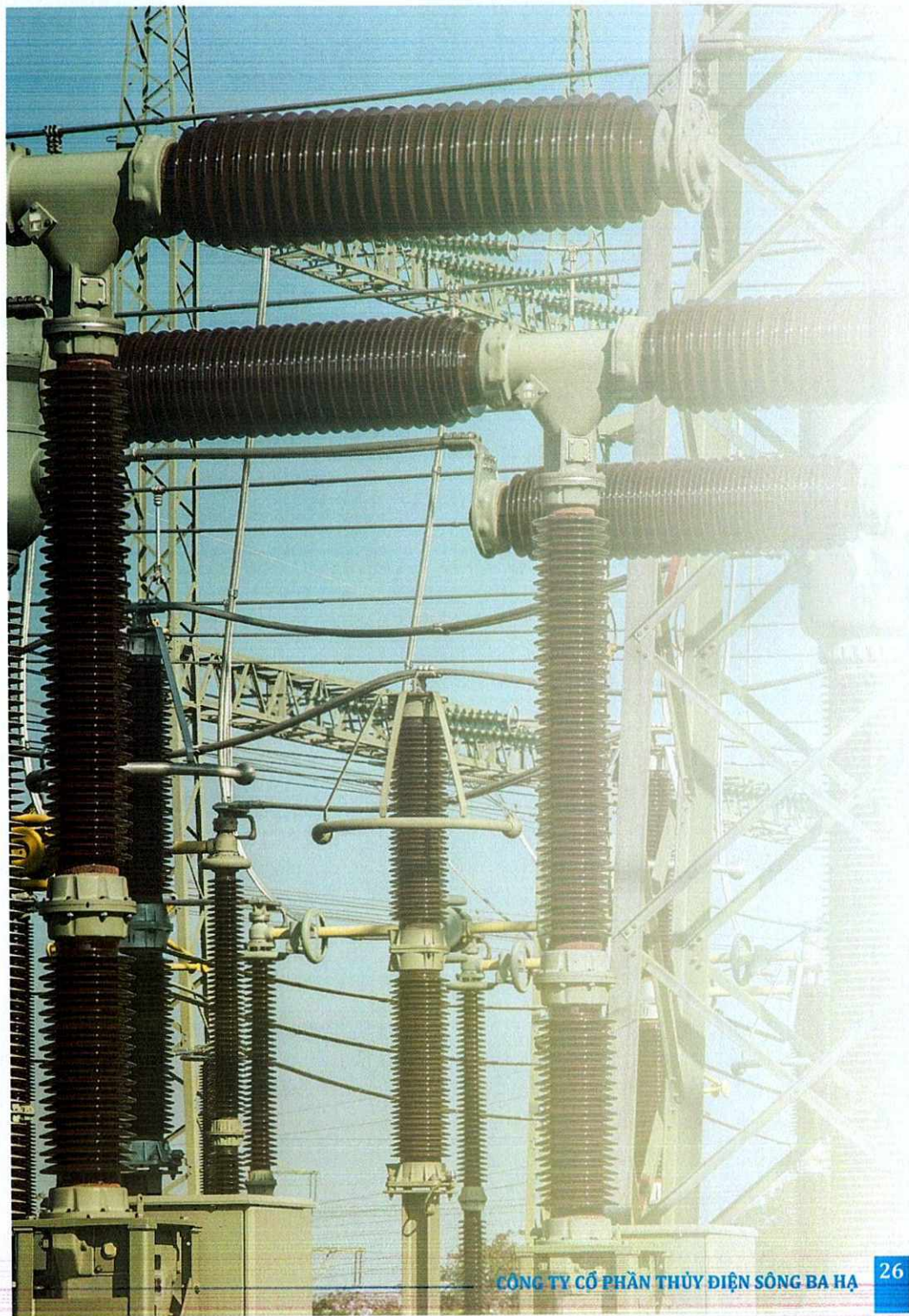
### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 của SBH

Với đặc thù là nhà máy Thủy điện, sản lượng điện chịu ảnh hưởng trực tiếp và quyết định của điều kiện thời tiết, lưu lượng nước về hồ và doanh thu của Công ty chủ yếu từ sản xuất điện và tham gia thị trường điện. Vì vậy, trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và tình hình thủy văn không thuận lợi ngay từ những tháng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã quyết tâm phần đầu thực hiện hoàn thành tốt các giải pháp đề ra cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 dưới sự đôn đốc và chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo, đồng thời thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thiết bị để hạn chế sự cố chủ quan, tránh sự cố nhằm nâng cao độ tin cậy.

Với mục tiêu kép, vừa thực hiện tốt công tác phát điện vừa đảm bảo nhiệm vụ chính trị là cấp nước sinh hoạt và nước phục vụ chống hạn cho nông nghiệp trong mùa khô năm 2020, Công ty thường xuyên liên lạc và phối hợp làm việc với các hợp tác xã ở hạ du sông Ba để nắm bắt tình hình, tìm hiểu rõ từng giai đoạn quá trình phát triển của cây lúa để thực hiện hiệu quả công tác cấp nước hạ du và mùa khô. Bên cạnh đó, các Phòng, Ban, đơn vị đã phát huy tinh thần chủ động, đoàn kết nhất trí, trách nhiệm cao, sự nỗ lực vượt bậc, đáp ứng tốt phương thức huy động của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia. Kết quả đạt được như sau:

| Stt | Chi tiêu   | ĐVT     | KH 2020<br>(1) | TH 2020<br>(2) | TH/KH<br>2020<br>(3) |
|-----|--|---------|----------------|----------------|----------------------|
| 1   | Sản lượng điện phát  | Tr.kWh  | 557            | 671,387        | 120,54               |
| 2   | Điện tự dùng   | Tr.kWh  | 5,46           | 6,097          | 111,67               |
| 3   | Tỉ lệ điện tự dùng   | %       | 0,98           | 0,91           | 92,86                |
| 4   | Sản lượng điện thương phẩm                                       | Tr.kWh  | 551,54         | 665,511        | 120,66               |
| 5   | Tỷ lệ dừng máy do sự cố  | %       | 0,40           | 0              | -                    |
| 6   | Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng   | %       | 6,42           | 6,40           | 99,74                |
| 7   | Hệ số khả dụng   | %       | 93,18          | 93,597         | 100,45               |
| 8   | Tín hiệu SCADA về các Trung tâm điều độ trong quá trình vận hành | %       | 100            | 100            | 100,00               |
| 9   | Tổng doanh thu   | Tr.đồng | 673.622,00     | 845.716,32     | 125,55               |
| 10  | Tổng chi phí   | Tr.đồng | 436.602,00     | 440.184,04     | 100,82               |
| 11  | Tổng lợi nhuận trước thuế  | Tr.đồng | 237.020,00     | 405.532,28     | 171,10               |

Các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo định hướng, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Công ty hết sức nỗ lực tổ chức tốt công tác sản xuất đảm bảo an toàn, hiệu quả trong công tác quản lý vận hành, sửa chữa và phòng chống lụt bão.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Hội đồng quản trị

| Stt | Họ và tên                  | Chức vụ                                 | Ghi chú                       |
|-----|----------------------------|---|-------------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Văn Tặng        | Chủ tịch HĐQT                           |                               |
| 2   | Ông Trần Lý                | Thành viên HĐQT hiện kiêm Tổng Giám đốc |                               |
| 3   | Ông Nguyễn Quang Quyền     | Thành viên HĐQT                         |                               |
| 4   | Ông Nguyễn Anh Vũ          | Thành viên HĐQT                         | Bổ nhiệm từ ngày 29/05/2020   |
| 5   | Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | Thành viên HĐQT                         | Bổ nhiệm từ ngày 29/05/2020   |
| 6   | Ông Nguyễn Đức Phú         | Thành viên HĐQT                         | Miễn nhiệm từ ngày 29/05/2020 |
| 7   | Ông Nguyễn Trọng Hiền      | Thành viên HĐQT                         | Miễn nhiệm từ ngày 29/05/2020 |



### Sơ yếu lý lịch

|   |  |
|---|--|
| Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tịch Hội đồng quản trị                              |  |
| <b>Giới tính</b>  | Nam  |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b>  | 28/11/1963   |
| <b>Nơi sinh</b>   | Xã Quỳnh Thuận, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An                  |
| <b>Quốc tịch</b>  | Việt Nam   |
| <b>Địa chỉ thường trú</b>   | 65 Tân Trào, KP Liên Trì 2, Phường 9, Tp Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên |
| <b>Sở hữu cổ phần đại diện: (Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Phát điện 2)</b> | 30.696.373 cổ phần (40% của Công ty EVNGENCO 2)                |
| <b>Sở hữu cá nhân</b>   | Không có   |
| <b>Trình độ chuyên môn</b>  | Kỹ sư Năng lượng, Thạc sỹ Quản trị                             |

### Quá trình công tác

| Thời gian        | Đơn vị công tác                      | Chức vụ  |
|------------------|--------------------------------------|--|
| Năm 1992         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Nhân viên Phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Xây dựng                              |
| Năm 1994         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Đội phó Đội Xây dựng Điện 1 - Xí nghiệp Xây dựng                         |
| Năm 1995         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Quyền Đội trưởng, Đội trưởng Đội Xây dựng Điện 1- Xí nghiệp Xây dựng     |
| Năm 1996         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Trưởng Phòng Xí nghiệp Xây dựng  |
| Năm 2001         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Quyền Đội trưởng, Đội trưởng Đội Xây dựng Điện 1 - Xí nghiệp Xây dựng    |
| Năm 2002         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Vận tải và Thi công Cơ giới                    |
| Năm 2003         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Trưởng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật - Xí nghiệp Vận tải và Thi công Cơ giới |
| Năm 2006         | Công ty Xây lắp Điện 2               | Phó Giám đốc Xí nghiệp Vận tải và Thi công Cơ giới                       |
| Năm 2007         | Ban QLDA Thủy điện 7                 | Trưởng Phòng Kinh tế – Kế hoạch  |
| Năm 2011         | Ban QLDA Thủy điện 7                 | Phó Trưởng Ban   |
| Năm 2017         | Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak    | Phó Giám đốc   |
| Năm 2017 đến nay | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Chủ tịch Hội đồng quản trị   |



## Sơ yếu lý lịch

|  |  |
|--|--|
| Ông Trần Lý – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc          |  |
| Giới tính  | Nam  |
| Ngày tháng năm sinh  | 25/06/1974                                       |
| Nơi sinh   | An Phú, TP.Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên                 |
| Quốc tịch  | Việt Nam   |
| Địa chỉ thường trú   | 19 Nguyễn Văn Cừ, phường 7, TP. Tuy Hòa, Phú Yên |
| Sở hữu cổ phần đại diện: (Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Phát điện 2) | 23.022.279 cổ phần (30% của EVNGENCO 2)          |
| Sở hữu cá nhân   | 7.206 cổ phần (0,0058%)                          |
| Trình độ chuyên môn  | Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản lý năng lượng           |

## Quá trình công tác

| Thời gian        | Đơn vị công tác   | Chức vụ   |
|------------------|---|---|
| Năm 1999         | Ban QLDA thủy điện Sông Hinh                            | Chuyên viên Ban Chuẩn Bị Sản Xuất Nhà máy Thủy điện Sông Hinh |
| Năm 2005         | Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn -Sông Hinh           | Trưởng Ca vận hành Nhà máy thủy điện Sông Hinh                |
| Tháng 02/2006    | Nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ thuộc Ban QLDA thủy điện 3 | Phụ trách tổ vận hành Ban Chuẩn Bị Sản Xuất                   |
| Tháng 09/2006    | Nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ                            | Tổ trưởng tổ vận hành Ban Chuẩn Bị Sản Xuất                   |
| Năm 2008         | Ban Chuẩn Bị Sản Xuất Nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ      | Quản đốc Phân xưởng vận hành                                  |
| Năm 2010         | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Quản đốc Phân xưởng vận hành                                  |
| Năm 2012         | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Trưởng Phòng Kế hoạch – Vật tư                                |
| Năm 2013         | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT                            |
| Năm 2018 đến nay | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc               |

## Sơ yếu lý lịch

|   |  |
|---|--|
| Ông Nguyễn Quang Quyền – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành |  |
| Giới tính   | Nam  |
| Ngày tháng năm sinh   | 23/03/1972                                 |
| Nơi sinh  | Hà Nội                                     |
| Quốc tịch   | Việt Nam                                   |
| Địa chỉ thường trú  | 08A/1C1 Thái Văn Lung, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh |
| Sở hữu cổ phần đại diện: Công ty Cơ điện lạnh REE                     | 16.000.000 cổ phần (50% của REE)           |
| Sở hữu cổ phần cá nhân  | 0 cổ phần                                  |
| Trình độ chuyên môn   | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh                |

## Quá trình công tác

| Thời gian             | Đơn vị công tác                      | Chức vụ                                      |
|-----------------------|--------------------------------------|--|
| Năm 2000              | Công ty Tài chính Mỹ (Finansa)       | Chuyên viên phân tích đầu tư                 |
| Năm 2002              | Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn  | Chuyên viên phân tích tài chính              |
| Năm 2007              | Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam         | Kiểm soát viên kiểm soát tài chính và đầu tư |
| Năm 2017 đến năm 2020 | Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh         | Phó TGĐ                                      |
| Năm 2020              | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Thành viên HĐQT                              |



## Sơ yếu lý lịch

| Ông Nguyễn Anh Vũ – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành       |   |
|--|---|
| Giới tính  | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh  | 21/08/1968  |
| Nơi sinh   | Tỉnh Trà Vinh   |
| Quốc tịch  | Việt Nam  |
| Địa chỉ thường trú   | 35/6 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ |
| Sở hữu cổ phần đại diện: (Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Phát điện 2) | 23.022.279 cổ phần (30% của EVNGENCO 2)                               |
| Sở hữu cá nhân   | 0 cổ phần   |
| Trình độ chuyên môn  | Kỹ sư ngành Kỹ thuật Công nghiệp                                      |

## Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác                      | Chức vụ                      |
|-----------|--------------------------------------|------------------------------|
| Năm 2020  | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Thành viên Hội đồng quản trị |

## Sơ yếu lý lịch

| Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập |   |
|---|---|
| Giới tính   | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh   | 10/01/1992  |
| Nơi sinh  | Tây Ninh  |
| Quốc tịch   | Việt Nam  |
| Địa chỉ thường trú  | Khu phố 6, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh  |
| Sở hữu cổ phần đại diện: Tổng Công ty Cơ điện lạnh REE            | 16.000.000 cổ phần (50%)  |
| Sở hữu cá nhân  | 0 cổ phần   |
| Trình độ chuyên môn   | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế TP.HCM<br>Cử nhân Kế toán ứng dụng - Đại học Oxford Brookes |

## Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác                                  | Chức vụ                              |
|-----------|--|--------------------------------------|
|           | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ             | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị |
|           | Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam | Thành viên Ban kiểm soát             |
| Năm 2020  | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình             | Thành viên Ban kiểm soát             |
|           | Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định                | Thành viên Ban kiểm soát             |
|           | Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh                     | Chuyên viên phân tích đầu tư         |





## Danh sách Ban kiểm soát

| Stt | Họ và tên                  | Chức vụ              | Ghi chú                       |
|-----|----------------------------|----------------------|-------------------------------|
| 1   | Ông Ngô Đức Thăng          | Trưởng Ban Kiểm soát |                               |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương | Thành viên BKS       |                               |
| 3   | Ông Tài Hoàng Nhật Quang   | Thành viên BKS       | Bổ nhiệm từ ngày 29/05/2020   |
| 4   | Ông Đinh Văn Tiến          | Thành viên BKS       | Miễn nhiệm từ ngày 29/05/2020 |

## Sơ yếu lý lịch

| Ông Ngô Đức Thăng – Trưởng Ban kiểm soát |  |
|--|--|
| Giới tính                                | Nam  |
| Ngày tháng năm sinh                      | 20/08/1976                                 |
| Nơi sinh                                 | Huyện Phú Hòa – tỉnh Phú Yên               |
| Quốc tịch                                | Việt Nam                                   |
| Địa chỉ thường trú                       | Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên. |
| Sở hữu cổ phần cá nhân                   | 18.000 cổ phần (0,0145%)                   |
| Trình độ chuyên môn                      | Cử nhân Kinh tế                            |

## Quá trình công tác

| Thời gian     | Đơn vị công tác                      | Chức vụ                           |
|---------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| Năm 2003      | Ban QLDA thủy điện Sông Hinh         | Chuyên viên                       |
| Năm 2006      | Ban QLDA thủy điện 3                 | Chuyên viên                       |
| Tháng 01/2008 | Ban QLDA thủy điện 7                 | Chuyên viên                       |
| Tháng 03/2008 | Ban QLDA thủy điện 7                 | Phó Phụ trách phòng TCKT          |
| Năm 2016      | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Kế toán trưởng                    |
| Năm 2020      | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách |

## Sơ yếu lý lịch

| Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương – Thành viên Ban kiểm soát |  |
|---|--|
| Giới tính   | Nữ   |
| Ngày tháng năm sinh                                   | 17/11/1973                                     |
| Nơi sinh  | Ninh Thuận                                     |
| Quốc tịch   | Việt Nam                                       |
| Địa chỉ thường trú                                    | 49/46/25 Đường Số 51, Phường 14, Gò Vấp, TPHCM |
| Sở hữu cổ phần cá nhân                                | 0 cổ phần                                      |
| Trình độ chuyên môn                                   | Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán           |

## Quá trình công tác

| Thời gian                | Đơn vị công tác                      | Chức vụ                                |
|--------------------------|--------------------------------------|--|
| Từ 1997 đến 2001         | Xí nghiệp Giấy Mai Lan               | Kế toán tổng hợp                       |
| Từ 2002 đến 2004         | Công ty Cổ phần Mai Lan              | Kế toán trưởng                         |
| Từ 2005 đến 2006         | Công ty TNHH DVKT Cơ Điện Lạnh       | Kế toán viên                           |
| Từ T12/2006 đến T11/2007 | Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh         | Kế toán tổng hợp                       |
| Từ T12/2007 đến T09/2019 | Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh         | Phó phòng kế toán - Kế toán tổng hợp   |
| Từ T10/2019 đến nay      | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Ban kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro |

## Sơ yếu lý lịch

| Ông Tài Hoàng Nhật Quang – Thành viên Ban kiểm soát |  |
|---|--|
| Giới tính   | Nam  |
| Ngày tháng năm sinh                                 | 01/09/1986   |
| Nơi sinh  | Cần Thơ  |
| Quốc tịch   | Việt Nam   |
| Địa chỉ thường trú                                  | 11B đường Nguyễn Ngọc Trai, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ |
| Sở hữu cổ phần cá nhân                              | 0 cổ phần  |
| Trình độ chuyên môn                                 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng  |

## Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác                      | Chức vụ                           |
|-----------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| Năm 2020  | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Thành viên BKS không chuyên trách |



## Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Stt | Họ và tên           | Chức vụ           |
|-----|---------------------|-------------------|
| 1   | Ông Trần Lý         | Tổng Giám đốc     |
| 2   | Ông Nguyễn Đức Phú  | Phó Tổng Giám đốc |
| 3   | Ông Châu Đình Quốc  | Phó Tổng Giám đốc |
| 4   | Bà Đoàn Thị Mỹ Đông | Kế toán trưởng    |

## Sơ yếu lý lịch

| Ông Châu Đình Quốc – Phó Tổng Giám đốc |   |
|--|---|
| <b>Giới tính</b>                       | Nam                                       |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b>             | 01/08/1975                                |
| <b>Nơi sinh</b>                        | Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên |
| <b>Quốc tịch</b>                       | Việt Nam                                  |
| <b>Địa chỉ thường trú</b>              | Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên |
| <b>Sở hữu cổ phần cá nhân</b>          | 0 cổ phần                                 |
| <b>Trình độ chuyên môn</b>             | Thạc sỹ Quản lý Năng lượng, Kỹ sư điện    |

## Quá trình công tác

| Thời gian            | Đơn vị công tác   | Chức vụ                      |
|----------------------|---|------------------------------|
| <b>Năm 2000</b>      | Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.          | Trưởng ca vận hành           |
| <b>Tháng 01/2006</b> | Nhà máy Thủy điện Sông Hinh                             | Trưởng ca vận hành           |
| <b>Tháng 08/2006</b> | Ban Quản lý dự án Thủy điện 3                           | Chuyên viên                  |
| <b>Năm 2008</b>      | Ban CBSX NM Thủy điện Sông Ba Hạ - Ban QLDA Thủy điện 3 | Chuyên viên                  |
| <b>Năm 2017</b>      | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Quản đốc Trung Tâm DV- KT    |
| <b>Năm 2019</b>      | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Quản đốc Phân Xưởng Vận Hành |
| <b>Năm 2020</b>      | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                    | Phó Tổng giám đốc            |

## Sơ yếu lý lịch

| Ông Nguyễn Đức Phú – Phó Tổng Giám đốc |  |
|--|--|
| <b>Giới tính</b>                       | Nam                                      |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b>             | 02/09/1975                               |
| <b>Nơi sinh</b>                        | Long Phụng, Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên.   |
| <b>Quốc tịch</b>                       | Việt Nam                                 |
| <b>Địa chỉ thường trú</b>              | 66A Trần Phú - F2 - TP Tuy Hòa - Phú Yên |
| <b>Sở hữu cổ phần cá nhân</b>          | 5.500 cổ phần                            |
| <b>Trình độ chuyên môn</b>             | Kỹ sư Điện, Thạc sỹ Kỹ thuật Điện.       |

## Quá trình công tác

| Thời gian                   | Đơn vị công tác                                       | Chức vụ   |
|-----------------------------|---|---|
| <b>Năm 1999</b>             | Nhà máy thủy điện Sông Hinh.                          | Chuyên viên Ban chuẩn bị sản xuất - Ban quản lý dự án |
| <b>Năm 2005</b>             | Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh                | Trưởng ca vận hành                                    |
| <b>Năm 2006</b>             | Ban chuẩn bị sản xuất - Ban quản lý dự án thủy điện 3 | Chuyên viên   |
| <b>Năm 2007</b>             | Ban chuẩn bị sản xuất - Ban quản lý dự án thủy điện 7 | Chuyên viên   |
| <b>Năm 2008</b>             | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ                  | Trưởng phòng Kỹ thuật                                 |
| <b>Năm 2018 đến T5/2020</b> | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ                  | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc                    |
| <b>T5/2020 đến nay</b>      | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ                  | Phó Tổng Giám đốc                                     |



## Sơ yếu lý lịch

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Bà Đoàn Thị Mỹ Đông – Kế toán trưởng |  |
| <b>Giới tính</b>                     | Nữ   |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b>           | 18/12/1983   |
| <b>Nơi sinh</b>                      | Thôn Định Thành, xã Hòa Định Đông, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên       |
| <b>Quốc tịch</b>                     | Việt Nam   |
| <b>Địa chỉ thường trú</b>            | Thôn Định Thành, xã Hòa Định Đông, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên       |
| <b>Sở hữu cổ phần cá nhân</b>        | 4.290 cổ phần (0,0035%)  |
| <b>Trình độ chuyên môn</b>           | Thạc sỹ Quản lý Năng lượng, Cử nhân Kế toán, Kỹ sư Công nghệ Tự động |

## Quá trình công tác

| Thời gian        | Đơn vị công tác                      | Chức vụ  |
|------------------|--------------------------------------|--|
| Năm 2007         | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Thư ký Công ty                                       |
| Năm 2014         | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán                   |
| Năm 2016         | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Phó trưởng phòng - Phụ trách phòng Tài chính Kế toán |
| Năm 2017 đến nay | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ | Kế toán trưởng                                       |

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Chi tiết tại báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                          | ĐVT        | Năm 2019          | Năm 2020          | %Tăng/<br>Giảm |
|-----------------------------------|------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản              | Tỷ đồng    | 2.243.426.640.423 | 2.522.728.066.018 | 12,45%         |
| Doanh thu thuần                   | Tỷ đồng    | 694.661.225.332   | 804.910.361.374   | 15,87%         |
| Giá vốn hàng bán                  | Tỷ đồng    | 323.853.142.058   | 379.053.010.204   | 17,04%         |
| Lợi nhuận gộp                     | Tỷ đồng    | 370.808.083.274   | 425.857.351.170   | 14,85%         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng    | 347.537.063.201   | 404.943.938.369   | 16,52%         |
| Lợi nhuận khác                    | Triệu đồng | 445.981.454       | 588.339.808       | 31,92%         |
| Lợi nhuận trước thuế              | Tỷ đồng    | 347.983.044.655   | 405.532.278.177   | 16,54%         |
| Lợi nhuận sau thuế                | Tỷ đồng    | 334.143.087.085   | 380.092.210.423   | 13,75%         |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | %          | 20                | Tạm ứng 15%       |                |



- Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Từ đầu năm 2020, hiện tượng ENSO (El Nino – Dao động Nam) ở trạng thái trung tính nhưng nghiêng về pha nóng dẫn đến lượng mưa tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bị thiếu hụt nghiêm trọng. Lưu lượng dòng chảy và mực nước trên các sông, suối trong tỉnh, trong đó có sông Ba Hạ ở mức thấp hơn so với trung bình nhiều năm, khiến cho sản lượng điện sản xuất của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ bị sụt giảm so với năm trước. Cụ thể, sản lượng điện sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2020 chỉ đạt 96,5 triệu kWh, giảm 49,10% (so với năm 2019 đạt 197,54 triệu kWh).
- Sau khi ghi nhận kết quả tiêu cực trong nửa đầu năm 2020, hiện tượng La Nina quay trở lại vào các tháng cuối năm, gây nên những trận mưa lớn liên tiếp tại khu vực miền Trung đặc biệt với cường độ rất mạnh, trên phạm vi rộng đã giúp Nhà máy Thủy điện của Công ty ghi nhận kết quả khá sắc hơn. Theo đó, SBH ghi nhận doanh thu thuần quý cuối cùng năm 2020 đạt 470,77 tỷ đồng, góp phần làm tăng doanh thu thuần cả năm, đạt 804,91 tỷ đồng, tăng trưởng 15,87% so với năm 2019.
- Từ những yếu tố thuận lợi về thời tiết, lợi nhuận gộp của Công ty cũng được cải thiện từ 370,80 tỷ đồng (năm 2019) lên 425,85 tỷ đồng (năm 2020) tăng 14,85%. Lợi nhuận sau thuế theo đó cũng đạt 380,09 tỷ đồng, trong khi năm trước đạt 334,14 tỷ đồng, tăng 13,75%.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: Đồng

| Chi tiêu                                       | Năm 2019               |                | Năm 2020               |                |
|--|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|  | Giá trị                | Tỷ trọng       | Giá trị                | Tỷ trọng       |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 1.581.050.000          | 0,44%          | 1.897.510.000          | 0,44%          |
| Chi phí nhân công                              | 33.389.497.642         | 9,30%          | 38.737.924.447         | 8,95%          |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 192.318.787.233        | 53,56%         | 192.909.025.685        | 44,58%         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 8.968.776.155          | 2,50%          | 7.868.793.327          | 1,82%          |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí                    | 75.923.467.209         | 21,14%         | 93.245.972.356         | 21,55%         |
| Chi phí khác                                   | 46.915.807.233         | 13,06%         | 98.054.648.416         | 22,66%         |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>360.269.441.503</b> | <b>100,00%</b> | <b>416.708.020.893</b> | <b>100,00%</b> |

- Do thủy điện là ngành có yêu cầu cao về vốn đầu tư thiết bị sản xuất và nhà máy ban đầu, tương tự như hầu hết các doanh nghiệp thủy điện khác, chi phí khấu hao là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân hơn 50% tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của SBH do đặc thù phải đầu tư tài sản cố định rất lớn. Trong năm 2020, chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty tăng từ 192,31 tỷ đồng lên 192,90 tỷ đồng, tương đương 0,31%. Hiện nay, các tài sản cố định của SBH đều được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tổng chi phí khấu hao hằng năm khá ổn định, ít biến động.
- Thêm vào đó, chi phí thuế, phí và lệ phí của Công ty đóng góp tỷ trọng lớn thứ hai, chiếm hơn 20% tỷ trọng trong cơ cấu chi phí năm 2020. Đối với các doanh nghiệp thủy điện, thông thường biên lợi nhuận gộp của Công ty sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng. Mức thuế suất đối với tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho sản xuất điện là 5% (Theo NQ1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên), giá tính thuế tài nguyên này là giá bán điện thương phẩm bình quân do Bộ Công thương công bố. Về phí dịch vụ môi trường rừng, theo Điều 59 trong Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng từ ngày 01/01/2019 đối với cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/kWh điện thương phẩm.

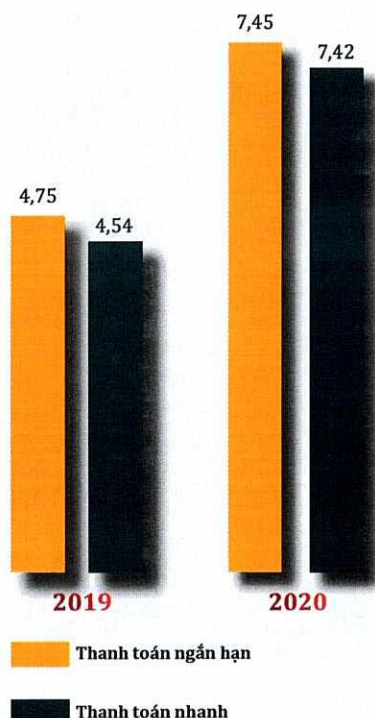
### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| CHỈ TIÊU  | ĐVT  | 2019  | 2020  |
|---|------|-------|-------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>                          |      |       |       |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn                        | Lần  | 4,75  | 7,45  |
| Khả năng thanh toán nhanh                           | Lần  | 4,54  | 7,42  |
| <b>Cơ cấu vốn</b>                                   |      |       |       |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                               | %    | 9,0   | 6,83  |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                             | %    | 9,9   | 7,34  |
| <b>Năng lực hoạt động</b>                           |      |       |       |
| Vòng quay hàng tồn kho                              | Vòng | 59    | 62,48 |
| Vòng quay tổng tài sản                              | Vòng | 30,96 | 34    |
| <b>Khả năng sinh lời</b>                            |      |       |       |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | %    | 50,03 | 50,31 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | %    | 48,10 | 47,22 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân   | %    | 16,36 | 16,17 |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần                   | %    | 14,89 | 15,06 |



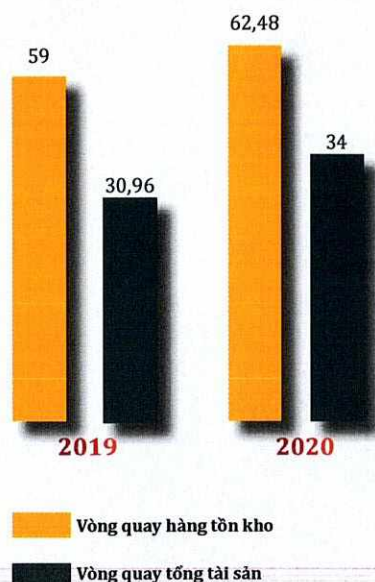
**Chỉ tiêu khả năng thanh toán**

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty có sự gia tăng đáng kể so với năm 2019, phản ánh tình hình tài chính của Công ty được cải thiện rõ rệt. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 4,75 lần lên 7,45 lần và hệ số thanh toán nhanh cũng tăng tương ứng, từ 4,54 lần đến 7,42 lần. Tại thời điểm cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn của SBH tăng hơn 60%, trong khi đó nợ ngắn hạn chỉ tăng 3,25%, nguyên nhân xuất phát từ tình hình sản xuất, phân phối điện thương phẩm của Công ty khá quan hơn ở những tháng cuối năm, dẫn đến khoản mục phải thu ngắn hạn từ khách hàng là Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam tăng đột biến gần 500%. Kết quả cho thấy tốc độ tăng tài sản ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng nợ ngắn hạn giúp SBH vẫn duy trì tốt khả năng thanh toán các khoản nợ của Công ty.



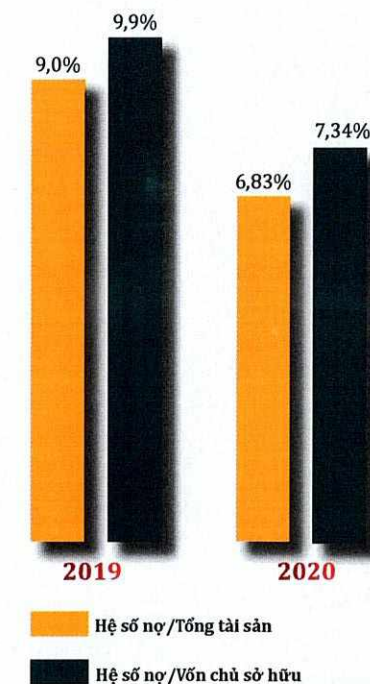
**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh điện năng nên lượng hàng tồn kho chủ yếu là các vật tư thiết bị dự phòng phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên của nhà máy thủy điện, do đó vòng quay hàng tồn kho đối với doanh nghiệp thủy điện nói chung và SBH nói riêng đều rất lớn, tuy nhiên tại ngày 31/12/2020, vòng quay hàng tồn kho của SBH đã tăng từ 59 vòng lên 62,48 vòng, điều này đồng nghĩa công tác bán điện của Công ty cải thiện hơn năm 2019 đặc biệt ở quý 3 và quý 4/2020, dẫn đến hàng tồn kho giảm gần 60%. Mặt khác, chỉ số vòng quay tổng tài sản tăng tại thời điểm 31/12/2020 tăng từ 30,96 vòng đến 34 vòng, thể hiện năng lực hoạt động các nhà máy của SBH ngày càng hiệu quả khi tận dụng được lượng mưa lớn vào các tháng cuối năm, một đồng tài sản của Công ty đã tạo ra giá trị doanh thu tăng đáng kể.



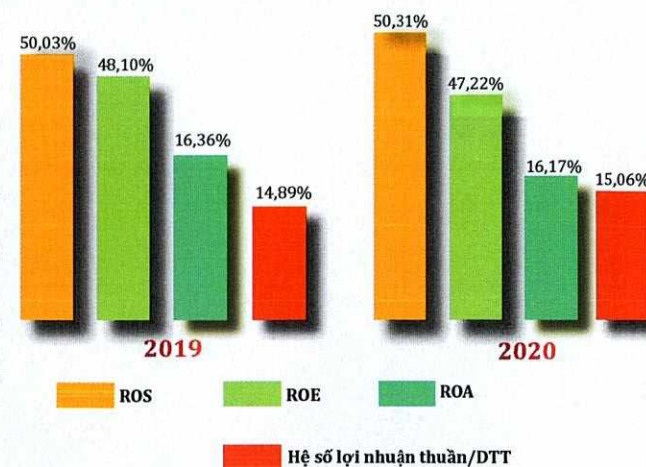
**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Nhìn chung các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty dịch chuyển theo xu hướng giảm tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu giúp cơ cấu tài chính của Công ty tương đối lành mạnh trong năm 2020. Chỉ tiêu nợ phải trả trên tổng tài sản đạt mức 6,83% và nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đạt 7,34%. Tính đến ngày 31/12/2020, tổng nợ phải trả của Công ty giảm hơn 15%, đạt 172,41 tỷ đồng do SBH đã thực hiện thanh toán bớt khoảng vay ngắn hạn cho bên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, nên Công ty giảm bớt gánh nặng về lãi vay ở doanh nghiệp này, chi phí lãi vay cả năm 2020 chỉ còn 7,4 tỷ đồng, giảm hơn 60% (năm 2019 đạt 19,3 tỷ đồng). Như vậy, tình hình tài chính của SBH ngày càng được cải thiện. Từ những đánh giá trên, có thể thấy rằng năm 2020, Công ty đã hạn chế sử dụng thêm đòn bẩy tài chính thay vào đó, SBH sử dụng vốn tự có và một phần nhờ kết quả lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay khá quan trọng hơn so với năm 2019. Vì vậy, vốn chủ sở hữu năm 2020 đã tăng 15,14%, đạt 2,350 tỷ đồng, góp phần cải thiện sức khỏe tài chính của Công ty mà không cần phụ thuộc quá nhiều vào các khoản vay.



**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của SBH dù bị ảnh hưởng tiêu cực bởi điều kiện thủy văn vào đầu năm, song nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty cũng không có sự biến động đáng kể so với năm 2019. Cụ thể, chỉ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 50,03% tới 50,31% và hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) tăng từ 14,89% tới 15,06%; riêng hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) giảm nhẹ từ 16,36% xuống 16,17%.





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần : 124.225.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 124.225.000 cổ phần

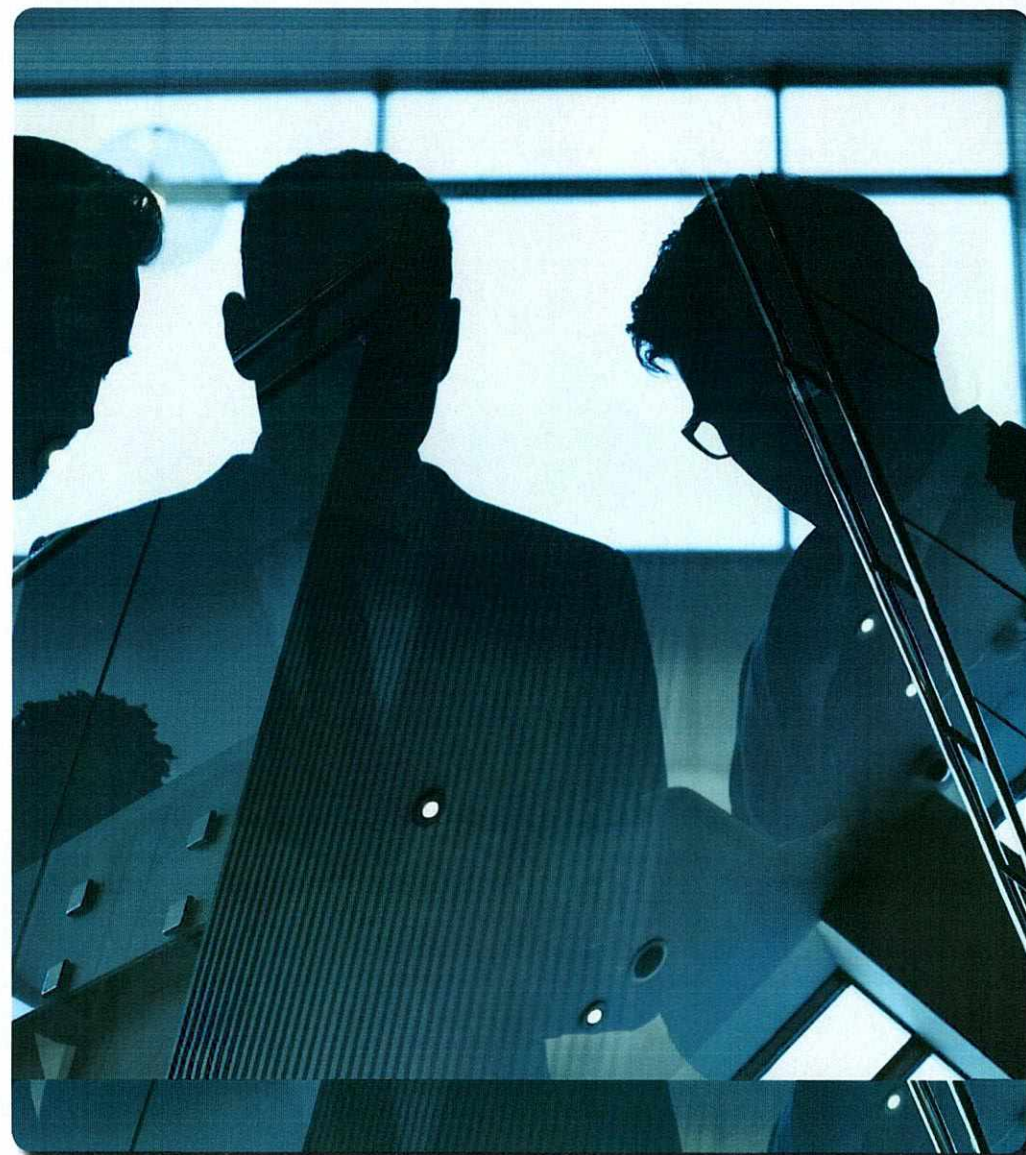
### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| Stt | Cổ đông            | Số lượng cổ phiếu  | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|-----|--------------------|--------------------|------------------|------------------|
| I   | Cổ đông trong nước | 124.172.000        | 99,96            | 210              |
| 1   | Cổ đông nhà nước   | 89.700.931         | 72,21            | 3                |
| 2   | Cổ đông tổ chức    | 33.280.000         | 26,79            | 2                |
| 3   | Cổ đông cá nhân    | 1.191.069          | 0,96             | 205              |
| II  | Cổ đông nước ngoài | 53.000             | 0,04             | 1                |
| 1   | Cổ đông cá nhân    | -                  | -                | -                |
| 2   | Cổ đông tổ chức    | 53.000             | 0,04             | 1                |
|     | <b>Cộng</b>        | <b>124.225.000</b> | <b>100</b>       | <b>211</b>       |

**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU:** Không phát sinh

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:** Không phát sinh

**CHỨNG KHOÁN KHÁC:** Không có







### **QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Công ty sử dụng nguồn tài nguyên nước sản xuất thủy điện.
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không tái chế

### **TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Sử dụng thủy năng để sản xuất điện.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Công ty thực hiện các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất tên hệ số vận hành máy an toàn, tiết kiệm thời gian mang lại hiệu quả cho Công ty.

### **TIÊU THỤ NƯỚC**

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước Sông Ba để sản xuất điện, trong năm 2020 để sản xuất ra 542,443 triệu kwh điện, tổng lượng nước sử dụng chạy máy trong năm là 3.547,57 triệu m3 nước.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không sử dụng nước tái chế.

### **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong xu thế hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới hiện tại, tính chất cạnh tranh của nền kinh tế thị trường ngày càng gay gắt, thì vai trò trách nhiệm của các doanh nghiệp với người lao động và người lao động với doanh nghiệp đóng vai trò trọng yếu trong mỗi tổ chức, dẫn đến Ban lãnh đạo Công ty luôn phải có cách tiếp cận đa dạng hóa về việc tuyển dụng và xây dựng những chính sách liên quan đến người lao động. Cụ thể:

- Tất cả lao động làm việc ở Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đều theo chế độ hợp đồng lao động và Công ty đặc biệt chú trọng trong công tác xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, năng lực. Thêm vào đó, Công ty luôn ưu tiên đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của Nhà nước.
- Bên cạnh đó, công tác xây dựng môi trường làm việc và chăm sóc sức khỏe người lao động cũng là một nhân tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến năng suất và chất lượng của người lao động đối với Công ty. Vì vậy, để người lao động phát huy tối đa năng lực, Công ty đã tạo điều kiện như sau: Công ty bố trí xe đưa đón cho các cán bộ người lao động làm việc tại Nhà máy, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn thông qua hoàn thành tốt công tác phòng cháy chữa cháy, kiểm tra giám sát thiết bị và thực hiện tốt công tác an toàn – bảo hiểm lao động.
- Song song với những hoạt động đó, Công ty cũng đặc biệt quan tâm và tích cực tham gia công tác an sinh xã hội tại địa phương, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội. Các trường hợp CBNLĐ và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau bệnh tật, tang gia và hiếu hỷ, Công ty luôn quan tâm tạo điều kiện và phối hợp với đoàn thể để động viên, thăm hỏi, chia sẻ và vận động toàn thể CBNLĐ trong Công ty cùng tham gia để góp phần giúp CBNLĐ đảm bảo đời sống, yên tâm công tác.

### HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2020, số Cán bộ người lao động của Công ty là 115 người, trong đó:

- Thạc sỹ: 17 người
- Đại học và trên đại học: 85 người
- Cao đẳng: 6 người
- Trung cấp: 7 trung cấp

Căn cứ vào nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tùy theo năng lực, trình độ của Người lao động, Công ty đưa ra hình thức và kế hoạch đào tạo thích hợp như đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cấp kiến thức, đào tạo lại đào tạo ngắn hạn và dài hạn, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm theo mục tiêu, nhiệm vụ và chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đặc biệt quan tâm và tích cực tham gia công tác an sinh xã hội tại địa phương, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, với tổng giá trị thực hiện trong năm 2020 là 769 triệu đồng trong năm 2020, nhằm phục vụ cộng đồng như sau:

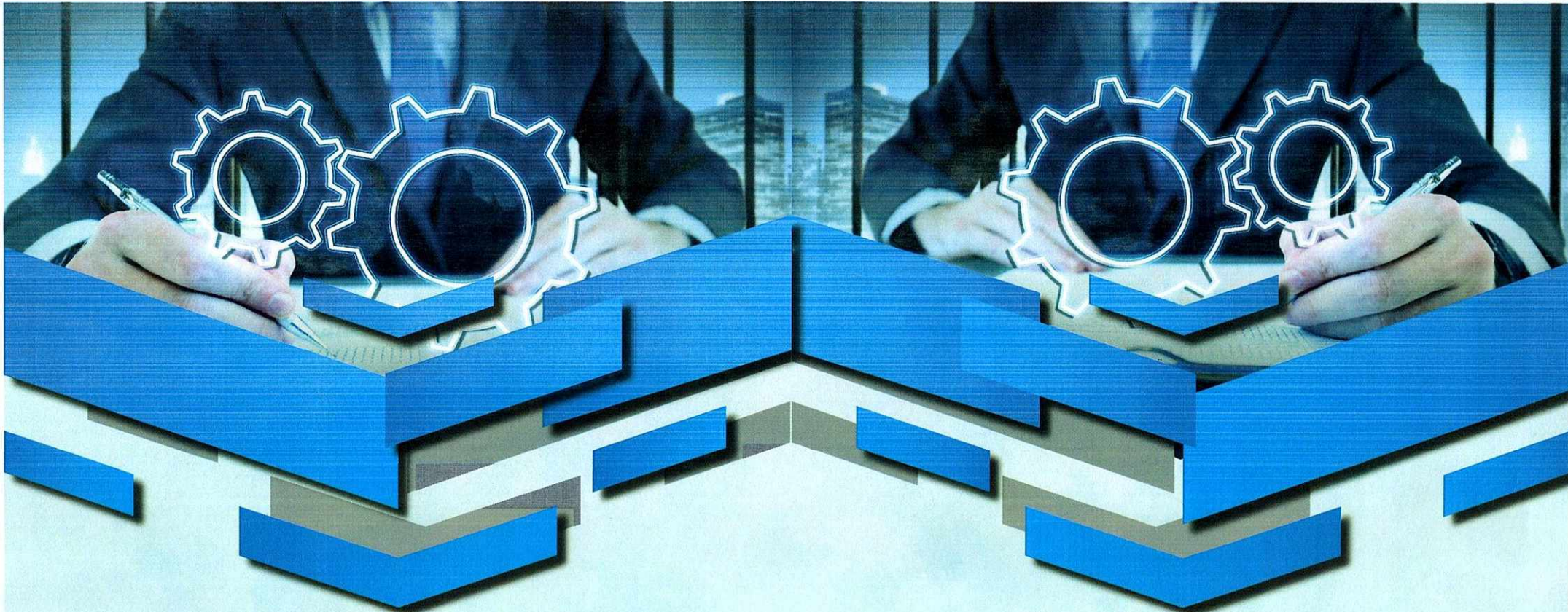
- Công ty đã phối hợp với các cấp chính quyền tổ chức trao tặng 5 chiếc xe đạp mới cho các em học sinh nghèo vượt khó học giỏi, với tổng giá trị 8 triệu đồng và tặng thêm mỗi em một phần quà trị giá 150 nghìn đồng.
- Lãnh đạo Công ty và đại diện BCH Công đoàn đã trao tặng 40 bộ sách giáo khoa lớp 1 cho 40 em học sinh nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số, với tổng giá trị gần 8 triệu đồng.
- Công ty đã hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà cho Công an viên có hoàn cảnh khó khăn, với tổng giá trị 40 triệu đồng

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG

**DẪN CỦA UBCKNN:** Không có







# PHẦN III

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH DOANH



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, với điều kiện thủy văn đầu năm ít thuận lợi hơn so với đầu năm 2019, nhưng đến cuối năm lưu lượng nước về hồ ở mức cao hơn so với giá trị trung bình nhiều năm. Trước tình hình đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó 02 tổ máy được lập lịch huy động tối ưu và hiệu quả. Vì vậy, Công ty đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận khi hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao, cụ thể kết quả đạt được như sau:

| STT | Chỉ tiêu                  | ĐVT        | KH năm 2020 | TH năm 2020 | Tỷ lệ % (TH/KH) |
|-----|---------------------------|------------|-------------|-------------|-----------------|
| 1   | Sản lượng điện phát       | Triệu kWh  | 557,00      | 671,39      | 120,54          |
| 2   | Tổng doanh thu            | Triệu đồng | 673.622,00  | 845.716,32  | 125,55          |
| 3   | Tổng chi phí              | Triệu đồng | 436.602,00  | 440.184,04  | 100,82          |
| 4   | Tổng lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 237.020,00  | 405.532,28  | 171,09          |

**Về doanh thu:** Công ty đặc biệt quan tâm thực hiện các giải pháp tăng doanh thu như:

- Doanh thu từ sản xuất điện: Luôn luôn đảm bảo sẵn sàng của 02 tổ máy, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện, tận dụng tối đa lưu lượng nước về để phát triển tối ưu và hiệu quả, tích cực tham gia thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu cao nhất. Kết quả tổng doanh thu sản xuất điện trong năm 2020 là: 804.910,36 triệu đồng đạt 122,85% so với kế hoạch 2020
- Doanh thu hoạt động tài chính, khác: Công ty đã cân nhắc về tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại, nên có doanh thu hoạt động tài chính với số tiền là: 40.805,95 triệu đồng.

Kết quả tổng doanh thu trong năm 2020 thực hiện 845.716,31 triệu đồng, đạt 125,55% so với kế hoạch.

**Về chi phí:** Tổng chi phí năm 2020 là 440.184,03 triệu đồng đạt 100,82% so với kế hoạch năm.

**Về lợi nhuận:** Công ty đã đặc biệt chú trọng đến công tác chào giá bán điện, thực hiện chiến lược chào giá linh hoạt, tối ưu trên thị trường điện và cân nhắc tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại. Vì vậy, lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 405.532,28 triệu đồng, đạt 171,09% so với kế hoạch năm.

| CHỈ TIÊU                           | 31/12/2019               |                | 31/12/2020               |                |
|------------------------------------|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
|                                    | GIÁ TRỊ                  | TỶ TRỌNG       | GIÁ TRỊ                  | TỶ TRỌNG       |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>731.129.897.487</b>   | <b>32,59%</b>  | <b>1.183.400.562.019</b> | <b>46,91%</b>  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.839.964.474            | 1,07%          | 26.016.237.365           | 2,20%          |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 602.455.515.068          | 82,40%         | 750.000.000.000          | 63,38%         |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 88.164.435.164           | 12,06%         | 403.771.895.393          | 34,12%         |
| Hàng tồn kho                       | 8.534.450.963            | 1,17%          | 3.597.829.133            | 0,30%          |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 24.135.531.818           | 3,30%          | 14.600.128               | 0,00%          |
| <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>1.512.296.742.936</b> | <b>67,41%</b>  | <b>1.339.327.503.999</b> | <b>53,09%</b>  |
| Tài sản cố định                    | 1.493.008.935.937        | 98,72%         | 1.320.524.064.000        | 98,60%         |
| Tài sản dở dang dài hạn            | 1.624.340.943            | 0,11%          | 2.197.656.371            | 0,16%          |
| Tài sản dài hạn khác               | 17.663.466.056           | 1,17%          | 16.605.783.628           | 1,24%          |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>2.243.426.640.423</b> | <b>100,00%</b> | <b>2.522.728.066.018</b> | <b>100,00%</b> |

Đặc trưng của các doanh nghiệp thủy điện là phải bỏ ra chi phí đầu tư xây dựng nhà máy ban đầu rất lớn vì vậy trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn luôn chiếm phần lớn. Tại thời điểm ngày 31/12/2020, tài sản ngắn hạn chiếm 46,91% tỷ trọng tổng tài sản của SBH, tăng hơn 60% so với thời điểm cuối năm 2019. Mức tăng này xuất phát từ việc SBH đã sử dụng lượng tiền mặt có được từ hoạt động kinh doanh để gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng với mục đích đầu tư tài chính ngắn hạn. Do đó, khoản mục các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2020 đạt 20,70 tỷ đồng, dẫn đến tiền và các khoản tương đương tiền tăng trưởng đột biến 231,84%, tương đương tăng 18,17 tỷ đồng. Yếu tố này góp phần làm cho tài sản ngắn hạn tăng từ 731,12 tỷ đồng đến 1.183,40 tỷ đồng.

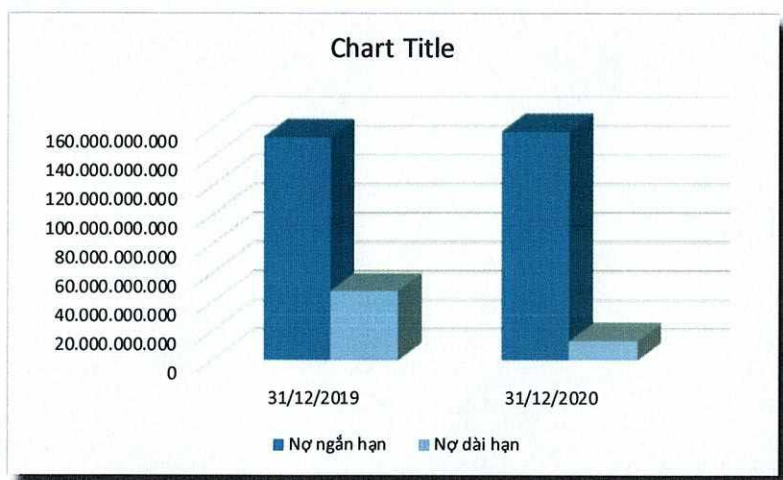
Đối với tài sản dài hạn, Công ty ghi nhận mức giảm 11,44%, từ 1.512,29 tỷ đồng giảm còn 1.339,32 tỷ đồng. Phần lớn giá trị giảm đến từ trích khấu hao các tài sản cố định, nên giá trị còn lại của các tài sản này giảm. Ngoài ra, SBH cũng thực hiện công tác mua sắm nhà cửa cùng với một số thiết bị văn phòng mới phục vụ cho hoạt động xây dựng Trụ sở Công ty ở đường Hùng Vương.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN

| CHỈ TIÊU                   | 2019                     |                | 2020                     |                |
|----------------------------|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
|                            | GIÁ TRỊ                  | TỶ TRỌNG       | GIÁ TRỊ                  | TỶ TRỌNG       |
| Nợ phải trả                | 202.079.689.151          | 9,01%          | 172.414.288.673          | 6,83%          |
| Nợ ngắn hạn                | 153.912.822.198          | 76,16%         | 158.914.288.673          | 92,17%         |
| Nợ dài hạn                 | 48.166.866.953           | 23,84%         | 13.500.000.000           | 7,83%          |
| Vốn chủ sở hữu             | 2.041.346.951.272        | 90,99%         | 2.350.313.777.345        | 93,17%         |
| Vốn góp chủ sở hữu         | 1.242.250.000.000        | 60,85%         | 1.242.250.000.000        | 52,85%         |
| Quỹ đầu tư phát triển      | 103.578.565.019          | 5,07%          | 129.286.491.145          | 5,50%          |
| LNST chưa phân phối        | 647.518.386.253          | 31,72%         | 930.777.286.200          | 39,60%         |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b> | <b>2.243.426.640.423</b> | <b>100,00%</b> | <b>2.522.728.066.018</b> | <b>100,00%</b> |



Có thể thấy rằng cơ cấu nguồn vốn của SBH dịch chuyển theo xu hướng tăng trong năm 2020 khi tỷ trọng của Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn giảm dần và tỷ trọng Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn đang tăng lên.

Nợ phải trả của SBH phần lớn đến từ khoản mục phải trả hai nhà cung cấp – Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp S5T Việt Nam và Công ty Cổ phần VSBCO Việt Nam, nên giá trị nợ ngắn hạn đã tăng nhẹ 3,25%, đóng góp 92,17% tỷ trọng trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Tuy nhiên, giá trị nợ vay ngắn hạn giảm dần từ năm 2019 (năm 2018, nợ vay ngắn hạn đạt 199 tỷ đồng, sang năm 2019, chỉ còn 60 tỷ đồng và năm 2020 SBH không thực hiện các hoạt động vay ngắn hạn từ các đơn vị khác), đây là một tín hiệu tích cực khi Công ty đã đảm bảo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và có thể sử dụng lượng tiền đó phục vụ cho công tác đầu tư cũng như là đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Công ty mà không cần phụ thuộc quá nhiều vào khoản nợ vay tài chính. Điều này góp phần SBH tránh được các rủi ro kiệt quệ tài chính.

Vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng nhẹ và đang ở mức 2.350,31 tỷ đồng năm 2020, chiếm tỷ trọng hơn 90% tổng nguồn vốn. Những năm gần đây, SBH không thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mà thực hiện trả bằng tiền mặt cho cổ đông nên vốn góp chủ sở hữu vẫn không đổi trong giai đoạn 2018 – 2020. Phần vốn chủ sở hữu tăng thêm đến từ nguồn LNST chưa phân phối và các quỹ mỗi năm nhờ hoạt động kinh doanh liên tục cải thiện, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng so với cùng kỳ.

### NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Thực hiện tái cấu trúc, Công ty đã chuyển đổi CBNLĐ phù hợp trình độ, năng lực, chuyên môn, bố trí lao động hợp lý để đạt hiệu quả cao, tăng năng suất lao động, củng cố hoàn thiện bộ máy các phòng, đơn vị trong Công ty.

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Tiếp tục khai thác sản xuất kinh doanh điện thương phẩm, đồng thời, xây dựng chiến lược phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng. Thêm vào đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu những phương pháp công nghệ tối ưu trong công tác truyền tải và phân phối điện.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với những đối tác, khách hàng và phát triển thêm nhiều khách hàng mới, đồng thời hợp tác với các đơn vị lớn, có uy tín để tham gia vào các dự án nhà máy điện, nhiệt điện và các kết cấu thép công nghiệp khác.
- Nỗ lực phát triển thị trường các ngành nghề tiềm năng, mở rộng thêm lĩnh vực Nhà máy Điện Mặt trời, điện gió, thủy điện nhỏ.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.
- Xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo đãi ngộ khuyến khích những người thật sự có năng lực kinh nghiệm tạo điều kiện cho họ gắn bó và cống hiến hết mình cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

### GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: KHÔNG CÓ



### **ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện tốt công tác quan trắc môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường; Thực hiện tốt công tác quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thực hiện đầy đủ các nội dung trong “Báo cáo đánh giá tác động môi trường - Công trình thủy điện Sông Ba Hạ”; Thường xuyên cập nhật và thực hiện đầy đủ các văn bản hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường và khắc phục kịp thời các kiến nghị về Bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng qua các lần kiểm tra, báo cáo đầy đủ cho các cấp về công tác bảo vệ môi trường.

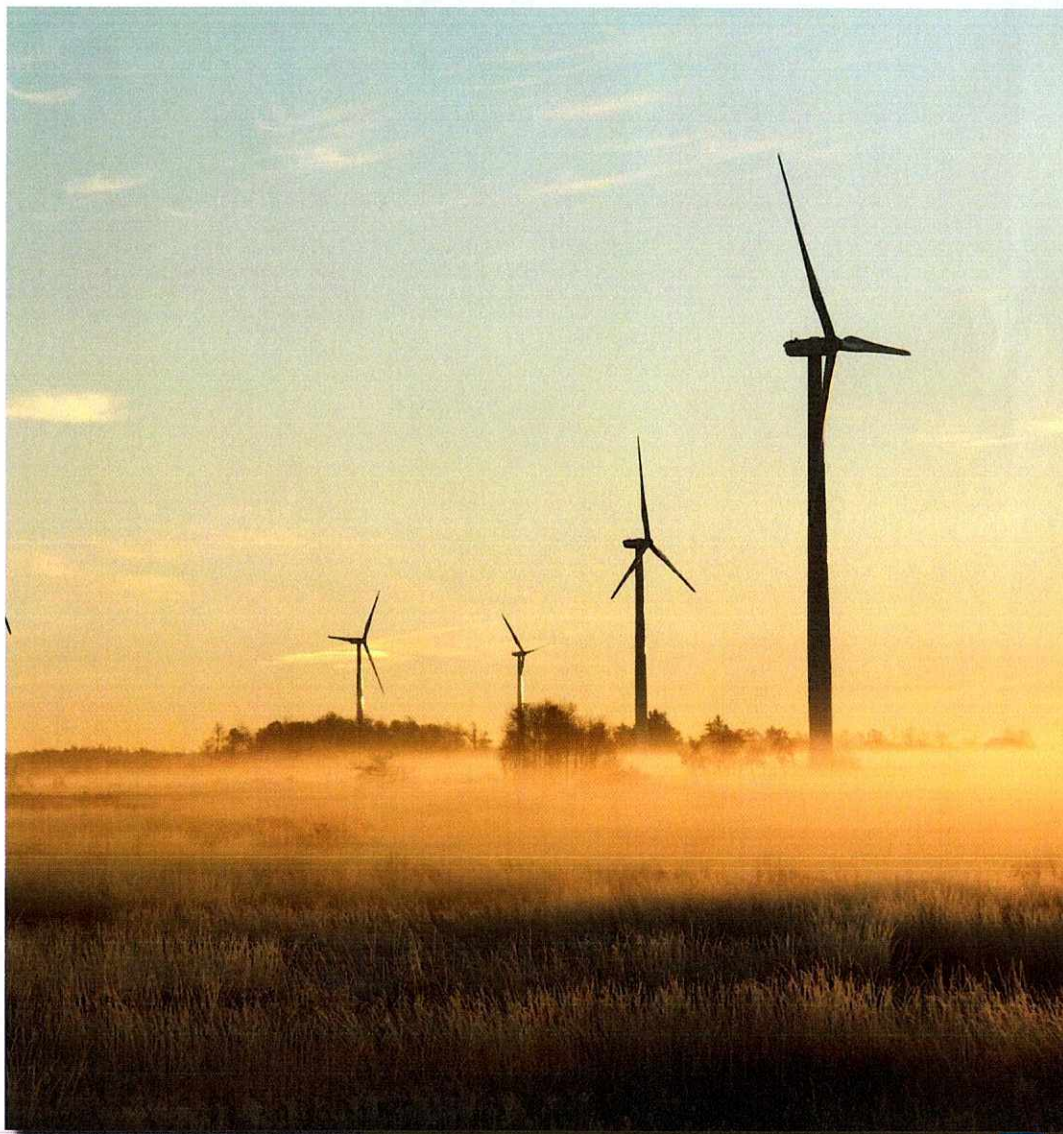
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Sử dụng năng lượng thủy năng.
- Tiêu thụ nước: Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng; sử dụng nguồn nước của Sông Ba, trong năm 2019 để sản xuất ra 542,443 triệu kwh điện, tổng lượng nước sử dụng chạy máy trong năm là 3.547,57 triệu m<sup>3</sup> nước.

### **ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

- Hằng năm, Công ty tổ chức Hội nghị người lao động, tổ chức đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện thỏa ước lao động tập thể và các kiến nghị của CBNLĐ
- Hằng năm Công ty đã quan tâm tổ chức học tập, thi giữ bậc và nâng bậc lương cho NLĐ thuộc khối trực tiếp sản xuất trong Công ty; đào tạo ngắn hạn về nghiệp vụ quản lý, chuyên môn...
- Các cán bộ người lao động được cử đi đào tạo đều đạt thành tích tốt, áp dụng những kiến thức vào thực tiễn phục vụ tốt cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong Công ty.
- Tổ chức tặng quà các cháu nhân dịp Tết Trung thu, ngày Quốc tế Thiếu nhi cũng như quà Tết Nguyên Đán hàng năm, tặng thưởng cho các cháu có thành tích học tập tốt nhằm động viên cho con em cán bộ CB-NLĐ hăng say học tập.
- Thực hiện cải thiện điều kiện làm việc: từng bước cải thiện ổn định nơi làm việc. Định kỳ, Công ty tiến hành tổ chức kiểm tra sửa chữa lại tất cả các thiết bị hư hỏng tại nơi làm việc (quạt, bóng đèn, máy điều hòa, hệ thống thông gió...) đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động.
- Trang bị đầy đủ tủ thuốc y tế sơ cứu ban đầu tại cơ sở sản xuất và nước uống tinh khiết tại văn phòng và cơ sở sản xuất.
- Thực hiện đầy đủ chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với CB-NLĐ làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại và phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ An toàn vệ sinh viên đúng đủ theo quy định.
- Tạo điều kiện và chỉ đạo tổ chức hội thao trong Công ty nhân ngày truyền thống thành lập ngành điện 21/12; tạo điều kiện để CB-NLĐ tham gia phong trào thể dục thể thao, giao lưu văn nghệ với các đơn vị bạn tăng tinh thần đoàn kết, hữu nghị lành mạnh nhằm hăng say lao động.
- Công ty đã quan tâm tạo điều kiện để tổ chức 02 đợt tham quan du lịch nước ngoài; 02 đợt nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe cho CB-NLĐ.

### **ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

- Thực hiện tốt công tác truyền thông trong cộng đồng nhằm nâng cao ý thức phòng chống thiên tai nhằm tránh những tổn thất do thiên tai gây ra.
- Phối hợp với địa phương trong công tác vận hành hồ chứa, sử dụng nguồn nước hợp lý, điều tiết và cấp nước cho hạ du phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu nông nghiệp địa phương.







# PHẦN IV

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Năm 2020, mặc dù những tháng đầu năm Công ty đã phải thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình thủy văn không thuận lợi, chịu ảnh hưởng diễn biến tiêu cực từ khí hậu, thời tiết, khu vực Nam Trung Bộ nắng nóng, khô hạn kéo dài trên diện rộng; lưu lượng nước về hồ thực tế trong 9 tháng đầu năm 2020 rất thấp, chỉ bằng 35 – 40% so với trung bình nhiều năm. Nhưng nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty Phát điện 2, các Ban Ngành địa phương, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ người lao động và sự linh hoạt trong chiến lược chào giá, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch được giao. Cụ thể, sản lượng điện phát cả năm đạt 671,387 triệu Kwh, vượt 20,5% kế hoạch giao; tổng doanh thu đạt 125,5% so với kế hoạch năm.
- Đồng thời, các chỉ tiêu kỹ thuật Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra như: hai tổ máy vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả; các tổ máy luôn sẵn sàng vận hành đáp ứng tốt phương thức huy động nguồn điện của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia; hệ số khả dụng là 93,6% (đạt 100,4% kế hoạch); tín hiệu SCADA về các Trung tâm điều độ đạt 100%; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các tổ máy, hệ thống thiết bị của Nhà máy, đặc biệt suất sự cố của Nhà máy luôn bằng 0 trong nhiều năm liền.
- Về các nội dung khác, Công ty cũng đã thực hiện hoàn thành tốt như: thực hiện tốt công tác PCTT&TKCN; công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực; công tác kiểm tra giám sát thiết bị và thực hiện tốt công tác An toàn – Bảo hiểm lao động, môi trường, Phòng cháy chữa cháy; công tác xây dựng các Quy chế quản lý bộ phận luôn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng... Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế, phí cho ngân sách nhà nước, với tổng số tiền nộp ngân sách trong năm là 181,8 tỷ đồng.
- Thêm vào đó, Công ty còn thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các tổ máy, hệ thống thiết bị của Nhà máy để luôn sẵn sàng vận hành và phối hợp với địa phương để thực hiện hiệu quả công tác cấp nước cho hạ du vào mùa khô và đáp ứng tốt phương thức huy động nguồn điện của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia. Bên cạnh đó, đơn vị đã phát huy tinh thần chủ động, đoàn kết nhất trí, trách nhiệm cao, sự nỗ lực vượt bậc trong toàn thể CB-NLĐ để hoàn thành kế hoạch đề ra.

## ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

| Chỉ tiêu           | DVT        | TH 2020    | KH 2020    | %TH/KH |
|--------------------|------------|------------|------------|--------|
| Tổng sản lượng     | Triệu kWh  | 671,39     | 557,00     | 120,54 |
| Tổng doanh thu     | Triệu đồng | 845.716,32 | 673.622,00 | 125,55 |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 405.532,28 | 237.020,00 | 171,09 |

## ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, VẬN HÀNH CÁC NHÀ MÁY

Trong những năm qua, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ luôn thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, vận hành và sửa chữa. Điều này được chứng minh thông qua việc Công ty không để xảy ra sự cố chủ quan trong quá trình vận hành các tổ máy và các hệ thống thiết bị trong nhiều năm liền (từ năm 2014 đến nay) và đã được cấp trên biểu dương, khen tặng. Để đạt được thành tích như vậy, là nhờ sự quyết liệt của Ban Lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành và sự nỗ lực, đoàn kết của toàn thể CB-NLĐ trong Công ty.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm trước, ngay từ khi lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty đã tổ chức thực hiện công tác khảo sát chi tiết từng hệ thống thiết bị, kiểm tra lập phương án kỹ thuật sửa chữa chi tiết từng hạng mục trong năm 2020 như: Đại tu Tổ máy H1; trung tu Đập tràn; kiểm tu, bảo dưỡng Tổ máy H2, Trạm phân phối 220kV, Cửa nhận nước và các thiết bị liên quan. Theo kế hoạch, Công ty đã thực hiện công tác sửa chữa theo hai đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 15/06/2020 đến 26/06/2020, thực hiện kiểm tu bảo dưỡng tổ máy H2, Cửa nhận nước, Trạm phân phối 220kV và các hệ thống thiết bị liên quan.
- Đợt 2: Từ ngày 12/7/2020 đến 15/8/2020, thực hiện đại tu Tổ máy H1 và các hệ thống thiết bị liên quan.

Với đội ngũ cán bộ và nhân viên kỹ thuật đã có nhiều năm kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn và tay nghề cao cộng với sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị, các tổ, các nhóm công tác nên Công ty đã hoàn thành công tác sửa chữa lớn năm 2020 vượt tiến độ so với kế hoạch đã đề ra. Cụ thể, qua mỗi đợt sửa chữa, Công ty đều vượt tiến độ 02 ngày so với kế hoạch đã được phê duyệt.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty để thực hiện theo đúng phân cấp và nhiệm vụ được giao.
- Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng Giám đốc đã xin ý kiến của Hội đồng quản trị kịp thời để tổ chức thực hiện.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty diễn ra hiệu quả, tiết kiệm, tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, định hướng và đặc thù phát triển của Công ty, với tình hình dự báo khí tượng thủy văn trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chính dự kiến như sau:

| STT | Chỉ tiêu                  | ĐVT     | KH năm 2021 |
|-----|---------------------------|---------|-------------|
| 1   | Sản lượng điện phát       | Tr.kWh  | 574,00      |
| 2   | Tổng doanh thu            | Tr.đồng | 678.599,32  |
| 3   | Tổng chi phí              | Tr.đồng | 442.176,73  |
| 4   | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 236.422,59  |



- Tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị để theo dõi, chỉ đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường giám sát, hỗ trợ, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh, để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên, kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các tổ máy, các hệ thống thiết bị, hạng mục công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.
- Chỉ đạo xây dựng, trình phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2021 theo đúng các quy định hiện hành.
- Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ ứng dụng Khoa học - Công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh (áp dụng phần mềm ERP, quản lý kỹ thuật, KPIs, HRM, nâng cấp E - Office, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất).
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt chủ đề năm 2021: Tập trung nguồn lực để xây dựng kế hoạch và đặt ra mục tiêu thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo, làm cơ sở để chuyển đổi thành doanh nghiệp số vào năm 2030 đáp ứng đúng theo Chủ đề năm 2021 của EVN và EVNGENCO 2 là "Chuyển đổi số trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam".
- Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo trong công tác tài chính; Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện: (i) Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động giai đoạn 2021 - 2025; (ii) Chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025.
- Chỉ đạo, tạo cơ chế hợp lý trong công tác lập lịch huy động các tổ máy tối ưu để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tận dụng tối đa lượng nước về để phát điện và đảm bảo cấp nước hạ du theo quy định hiện hành của Quy trình liên hồ chứa.
- Quan tâm chỉ đạo sâu sát việc thực hiện tốt công tác An toàn - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, môi trường, nâng cao năng lực dự báo thủy văn.
- Chỉ đạo thực hiện tổ chức quản trị Công ty theo mô hình Công ty đại chúng, phát triển từng bước tăng trưởng phù hợp với nguồn nhân lực, tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Xây dựng tính chuyên nghiệp; kiểm soát lao động bằng hình thức đánh giá công việc theo khối lượng và chất lượng hiệu quả công việc nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo tăng cường nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án Trụ sở Công ty tại đường Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Định hướng phát triển đầu tư xây dựng dự án năng lượng tái tạo mới: Điện mặt trời nổi trên hồ Thủy điện Sông Ba Hạ 220 MWp, Nhà máy Điện gió Tuy An 5 200MW,...
- Quan tâm công tác quan hệ cộng đồng, quan hệ cổ đông, quan hệ công tác tốt với các cơ quan quản lý Nhà nước, địa phương và quan tâm đến công tác truyền thông, an sinh xã hội tại địa phương năm 2021.





# PHẦN V

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

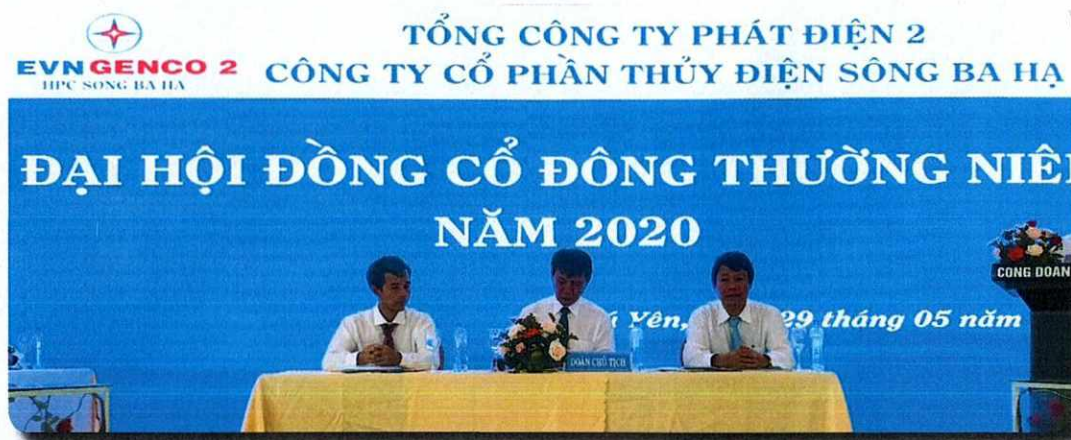
| STT | Họ và tên                  | Chức vụ                                   | Ngày bắt đầu thành viên HĐQT | Ngày không còn là thành viên HĐQT |
|-----|----------------------------|---|------------------------------|-----------------------------------|
| 01  | Ông Nguyễn Văn Tặng        | Chủ tịch HĐQT                             | 11/05/2017                   |                                   |
| 02  | Ông Trần Lý                | Thành viên HĐQT (hiện kiêm Tổng giám đốc) | 19/06/2013                   |                                   |
| 03  | Ông Nguyễn Quang Quyền     | Thành viên HĐQT (không điều hành)         | 12/05/2016                   |                                   |
| 04  | Ông Nguyễn Anh Vũ          | Thành viên HĐQT (không điều hành)         | 29/05/2020                   |                                   |
| 05  | Ông Nguyễn Đức Phú         | Thành viên HĐQT                           | 20/04/2018                   | 29/05/2020                        |
| 06  | Ông Nguyễn Trọng Hiền      | Thành viên HĐQT độc lập                   | 20/04/2018                   | 29/05/2020                        |
| 07  | Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | Thành viên HĐQT độc lập                   | 29/05/2020                   |                                   |

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, chỉ phân công từng thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực chuyên môn.

### CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Họ và tên                  | Chức vụ                                   | Số buổi họp | Tỷ lệ | Lý do không tham dự họp   |
|-----|----------------------------|---|-------------|-------|---|
| 01  | Ông Nguyễn Văn Tặng        | Chủ tịch HĐQT                             | 4/4         | 100%  |   |
| 02  | Ông Trần Lý                | Thành viên HĐQT (hiện kiêm Tổng giám đốc) | 4/4         | 100%  |   |
| 03  | Ông Nguyễn Quang Quyền     | Thành viên HĐQT (không điều hành)         | 4/4         | 100%  |   |
| 04  | Ông Nguyễn Anh Vũ          | Thành viên HĐQT (không điều hành)         | 2/2         | 100%  | Bổ nhiệm ngày 29/05/2020  |
| 05  | Ông Nguyễn Đức Phú         | Thành viên HĐQT                           | 2/2         | 100%  | Miễn nhiệm ngày 29/05/2020  |
| 06  | Ông Nguyễn Trọng Hiền      | Thành viên HĐQT độc lập                   | 0/2         | 0%    | Ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 01/12/2019 và miễn nhiệm ngày 29/05/2020 |
| 07  | Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | Thành viên HĐQT độc lập                   | 2/2         | 100%  | Bổ nhiệm ngày 29/05/2020  |





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|---|-----------------|
| 01  | Nghị quyết 319/NQ-SBH    | 06/3/2020  | Họp HĐQT quý I năm 2020   | 100%            |
| 02  | Nghị quyết 320/NQ-SBH    | 06/3/2020  | Phê duyệt Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020   | 100%            |
| 03  | Nghị quyết 944/NQ-SBH    | 27/5/2020  | Họp HĐQT quý II năm 2020  | 100%            |
| 04  | Nghị quyết 1646/NQ-SBII  | 10/9/2020  | Họp HĐQT quý III năm 2020   | 100%            |
| 05  | Nghị quyết 2421/NQ-SBH   | 11/12/2020 | Họp HĐQT quý IV năm 2020  | 100%            |
| 06  | Quyết định 06/QĐ-SBH     | 07/01/2020 | Phê duyệt BCKTKT xây dựng công trình Nhà kho vật tư   | 100%            |
| 07  | Quyết định 15/QĐ-SBH     | 08/01/2020 | Phê duyệt Hồ sơ TKBVTC và dự toán xây dựng Hàng mục ĐZ và TBA cấp điện cho Trụ sở Công ty               | 100%            |
| 08  | Nghị quyết 111/NQ-SBH    | 03/02/2020 | Phê duyệt Tạm ứng Quỹ tiền lương, thù lao và thưởng ATĐ năm 2020  | 100%            |
| 09  | Quyết định 131/QĐ-SBH    | 06/02/2020 | Phê duyệt Chương trình xây dựng QCQLNB Công ty năm 2020   | 100%            |
| 10  | Quyết định 132/QĐ-SBH    | 06/02/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 02 năm 2020  | 100%            |
| 11  | Nghị quyết 133/NQ-SBH    | 06/02/2020 | Phê duyệt Danh mục SCL năm 2021   | 100%            |
| 12  | Quyết định 170/QĐ-SBH    | 13/02/2020 | Phê duyệt Hồ sơ TKBVTC và dự toán xây dựng công trình Trụ sở Công ty                                    | 100%            |
| 13  | Nghị quyết 202/NQ-SBH    | 17/02/2020 | Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức danh Trưởng, Phó Đơn vị Công ty | 100%            |
| 14  | Nghị quyết 213/NQ-SBH    | 20/02/2020 | Phê duyệt bổ sung các hạng mục SCL chưa hoàn thành năm 2019 vào Danh mục SCL năm 2020                   | 100%            |
| 15  | Quyết định 214/QĐ-SBH    | 20/02/2020 | Phê duyệt điều chỉnh và bổ sung KHLCNT đợt 2 năm 2020   | 100%            |
| 16  | Quyết định 326/QĐ-SBH    | 09/3/2020  | Phê duyệt bổ sung Chương trình xây dựng QCQLNB Công ty năm 2020   | 100%            |
| 17  | Nghị quyết 327/NQ-SBH    | 09/3/2020  | Phê duyệt Kế hoạch QTRR và KSTT năm 2020  | 100%            |

|    |                       |           |  |      |
|----|-----------------------|-----------|--|------|
| 18 | Quyết định 329/QĐ-SBH | 09/3/2020 | Phê duyệt Quyết toán tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019   | 100% |
| 19 | Nghị quyết 359/NQ-SBH | 11/3/2020 | Thông qua các hạng mục, công việc sửa chữa thiết bị cần triển khai thực hiện sớm năm 2020  | 100% |
| 20 | Quyết định 365/QĐ-SBH | 11/3/2020 | Phê duyệt dự toán chi phí Mua sắm phục vụ công tác SCL năm 2020  | 100% |
| 21 | Quyết định 368/QĐ-SBH | 12/3/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 3 năm 2020  | 100% |
| 22 | Quyết định 398/QĐ-SBH | 16/3/2020 | Nâng bậc lương Kế toán trưởng Công ty  | 100% |
| 23 | Quyết định 399/QĐ-SBH | 16/3/2020 | Phê duyệt dự toán gói thầu số 9 - Trụ sở Công ty   | 100% |
| 24 | Nghị quyết 400/QĐ-SBH | 16/3/2020 | Phê duyệt PAKT và DT SCTX các hệ thống thiết bị năm 2020   | 100% |
| 25 | Nghị quyết 408/NQ-SBH | 17/3/2020 | Phê duyệt điều chỉnh lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng  | 100% |
| 26 | Quyết định 414/QĐ-SBH | 17/3/2020 | Phê duyệt QHCB cấp trưởng, phó đơn vị Công ty giai đoạn 2020-2025  | 100% |
| 27 | Quyết định 487/QĐ-SBH | 26/3/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 4 năm 2020  | 100% |
| 28 | Nghị quyết 490/NQ-SBH | 26/3/2020 | Phê duyệt điều chỉnh lãi suất tiền gửi có kỳ hạn lần 2 năm 2020  | 100% |
| 29 | Quyết định 491/QĐ-SBH | 26/3/2020 | Phê duyệt dự toán hạng mục Nhà kho vật tư  | 100% |
| 30 | Quyết định 500/QĐ-SBH | 27/3/2020 | Phê duyệt dự toán hạng mục Mua sắm thiết bị phục vụ cho công tác SCTX Tổ máy H1, CNN, TPP 220 kV năm 2020                                | 100% |
| 31 | Quyết định 530/QĐ-SBH | 30/3/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 5 năm 2020  | 100% |
| 32 | Nghị quyết 532/QĐ-SBH | 30/3/2020 | Chủ trương Bổ nhiệm lại chức danh Trưởng Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật  | 100% |
| 33 | Quyết định 538/QĐ-SBH | 30/3/2020 | Sửa đổi bổ sung Quy định quản lý và phân phối Quỹ tiền lương sửa chữa tự làm   | 100% |
| 34 | Quyết định 568/QĐ-SBH | 03/4/2020 | Phê duyệt dự toán chi phí Mua sắm vật tư phục vụ cho công tác SCTX Tổ máy H2, CNN, TPP 220 kV, hệ thống phụ trợ và SCL Đập tràn năm 2020 | 100% |
| 35 | Quyết định 578/QĐ-SBH | 03/4/2020 | Phê duyệt hiệu chỉnh tên hạng mục Mua sắm thiết bị phục vụ cho công tác SCTX Tổ máy H1, CNN, TPP 220 kV năm 2020                         | 100% |
| 36 | Nghị quyết 593/NQ-SBH | 07/4/2020 | Phê duyệt điều chỉnh lãi suất tiền gửi có kỳ hạn lần 3 năm 2020  | 100% |
| 37 | Nghị quyết 606/NQ-SBH | 08/4/2020 | Phê duyệt thay đổi Kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2020   | 100% |
| 38 | Quyết định 733/QĐ-SBH | 24/4/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 6 năm 2020  | 100% |



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|    |                        |           |   |      |
|----|------------------------|-----------|---|------|
| 39 | Quyết định 766/QĐ-SBH  | 29/4/2020 | Kéo dài thời gian giữ chức danh Trưởng Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật   | 100% |
| 40 | Nghị quyết 781/NQ-SBH  | 04/5/2020 | Phê duyệt Kế hoạch tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong quý II năm 2020   | 100% |
| 41 | Nghị quyết 835/NQ-SBH  | 12/5/2020 | Phê duyệt PA kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty   | 100% |
| 42 | Nghị quyết 851/NQ-SBH  | 14/5/2020 | Thông qua Bổ nhiệm lại chức danh Trưởng Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật  | 100% |
| 43 | Quyết định 857/QĐ-SBH  | 14/5/2020 | Bổ nhiệm lại chức danh Trưởng Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật  | 100% |
| 44 | Nghị quyết 937/NQ-SBH  | 27/5/2020 | Thông qua Chủ trương bổ nhiệm chức danh Quản đốc Phân xưởng Vận hành  | 100% |
| 45 | Nghị quyết 1006/NQ-SBH | 05/6/2020 | Thông qua Hỗ trợ theo nguyện vọng trước tuổi nghỉ hưu cho Người lao động  | 100% |
| 46 | Nghị quyết 1025/NQ-SBH | 09/6/2020 | Phê duyệt Kế hoạch PA PCTT&TKCN năm 2020  | 100% |
| 47 | Nghị quyết 1046/NQ-SBH | 11/6/2020 | Phê duyệt điều chỉnh lãi suất tiền gửi có kỳ hạn lần 4 năm 2020 và Kế hoạch tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong tháng 6 năm 2020 | 100% |
| 48 | Nghị quyết 1081/NQ-SBH | 15/6/2020 | Phê duyệt Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019  | 100% |
| 49 | Nghị quyết 1111/NQ-SBH | 22/6/2020 | Thông qua việc lựa chọn Đơn vị thực hiện soát xét BCTC bán niên năm 2020 và kiểm toán BCTC năm 2020                             | 100% |
| 50 | Quyết định 1164/NQ-SBH | 30/6/2020 | Giao Ban Điều hành phê duyệt Kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước  | 100% |
| 51 | Nghị quyết 1171/NQ-SBH | 01/7/2020 | Thông qua bổ nhiệm chức danh Quản đốc Phân xưởng vận hành   | 100% |
| 52 | Quyết định 1177/QĐ-SBH | 01/7/2020 | Bổ nhiệm chức danh Quản đốc Phân xưởng vận hành   | 100% |
| 53 | Quyết định 1204/QĐ-SBH | 06/7/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 7 năm 2020   | 100% |

|    |                        |           |  |      |
|----|------------------------|-----------|--|------|
| 54 | Quyết định 1245/QĐ-SBH | 10/7/2020 | Phê duyệt bổ sung thiết kế và dự toán gói thầu 23: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa (đợt 2) tường đầu tràn tiếp giáp với Đập đất phía hạ lưu hạng mục Đập tràn  | 100% |
| 55 | Quyết định 1253/QĐ-SBH | 10/7/2020 | Phê duyệt Đề cương kỹ thuật và dự toán hạng mục Đo đạc quan trắc biến dạng và đánh giá ổn định các hạng mục công trình chu kỳ "12"                         | 100% |
| 56 | Quyết định 1301/QĐ-SBH | 17/7/2020 | Phê duyệt PAKT và dự toán hạng mục: Duy tu sửa chữa sân bê tông và hàng rào Cửa lấy nước   | 100% |
| 57 | Quyết định 1352/QĐ-SBH | 27/7/2020 | Phê duyệt bổ sung Chương trình xây dựng Quy chế quản lý nội bộ năm 2020  | 100% |
| 58 | Quyết định 1353/QĐ-SBH | 27/7/2020 | Phê duyệt PAKT và dự toán hạng mục: Trang bị lắp đặt thay thế hệ thống các máy chủ DIM, Chào giá, Hỗ trợ thanh toán, Công tơ điện tử, CSDL Thị trường điện | 100% |
| 59 | Quyết định 1380/QĐ-SBH | 30/7/2020 | Phê duyệt PAKT và dự toán hạng mục: Trang bị thay thế Hệ thống truyền dẫn SDH, PCM, VTDR và Kênh truyền  | 100% |
| 60 | Nghị quyết 1394/NQ-SBH | 03/8/2020 | Phê duyệt Kế hoạch tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong quý III năm 2020   | 100% |
| 61 | Quyết định 1441/QĐ-SBH | 12/8/2020 | Phê duyệt, ban hành Sửa đổi nội dung Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng  | 100% |
| 62 | Nghị quyết 1484/NQ-SBH | 17/8/2020 | Thông qua chủ trương mua sắm thay thế cục pha A Máy cắt đầu cực 901  | 100% |
| 63 | Quyết định 1516/QĐ-SBH | 21/8/2020 | Phân phối Quỹ khen thưởng Người quản lý năm 2019   | 100% |
| 64 | Quyết định 1600/QĐ-SBH | 03/9/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 8 năm 2020  | 100% |
| 65 | Nghị quyết 1618/NQ-SBH | 08/9/2020 | Thông qua thanh lý Tài sản cố định, vật tư thiết bị và công cụ dụng cụ đã qua sử dụng  | 100% |



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|    |                              |            |   |      |
|----|------------------------------|------------|---|------|
| 66 | Quyết định 1619/QĐ-SBH       | 08/9/2020  | Phê duyệt BCKTKT hạng mục "Chuyển đổi giao thức kết nối SCADA từ chuẩn IEC60870-5-101 sang IEC60870-5-104 và Hotline VoIP cho các đơn vị trong Tổng công ty Phát điện 2 - Phạm vi đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ" | 100% |
| 67 | Nghị quyết 1647/NQ-SBH       | 11/9/2020  | Phê duyệt điều chỉnh lãi suất tiền gửi có kỳ hạn lần 5 năm 2020 và Kế hoạch tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong tháng 8, 9 năm 2020  | 100% |
| 68 | Quyết định 1673/QĐ-SBH       | 17/9/2020  | Phân công   |      |
| 69 | nhiệm vụ các thành viên HĐQT | 100%       |   |      |
| 70 | Quyết định 1686/QĐ-SBH       | 17/9/2020  | Phê duyệt KHLCNT đợt 9 năm 2020   | 100% |
| 71 | Quyết định 1824/QĐ-SBH       | 13/10/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 10 năm 2020  | 100% |
| 72 | Quyết định 1842/QĐ-SBH       | 18/10/2020 | Ban hành áp dụng tạm thời Bộ định mức sửa chữa thiết bị phụ không theo khối Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ  | 100% |
| 73 | Nghị quyết 1843/QĐ-SBH       | 18/10/2020 | Phê duyệt chi tiết Bộ định mức SCL thiết bị Cơ - Thủy lực Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ theo RCM   | 100% |
| 74 | Nghị quyết 1879/NQ-SBH       | 20/10/2020 | Phê duyệt Kế hoạch tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong quý IV năm 2020   | 100% |
| 75 | Nghị quyết 1951/QĐ-SBH       | 27/10/2020 | Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán Sửa chữa lớn năm 2021: Danh mục Trung tu Cửa van cung Đập tràn số 5, 6, 7, 8  | 100% |
| 76 | Quyết định 1986/QĐ-SBH       | 29/10/2020 | Phê duyệt hiệu chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu gói 2: Tư vấn Quản lý dự án xây dựng công trình Trụ sở Công ty   | 100% |
| 77 | Nghị quyết 2097/NQ-SBH       | 09/11/2020 | Phê duyệt quyết toán Danh mục Sửa chữa lớn hoàn thành năm 2020  | 100% |

|    |                        |            |  |      |
|----|------------------------|------------|--|------|
| 78 | Nghị quyết 2185/QĐ-SBH | 17/11/2020 | Thông qua chủ trương Ký hợp đồng trực tiếp đơn vị cung cấp lịch xuân Tân Sửu năm 2021                            | 100% |
| 79 | Nghị quyết 2186/QĐ-SBH | 17/11/2020 | Phê duyệt bổ sung Danh mục Sửa chữa lớn năm 2020   | 100% |
| 80 | Nghị quyết 2229/QĐ-SBH | 23/11/2020 | Thông qua chủ trương đấu thầu tập trung tại Tổng công ty Phát điện 2 về Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2021-2022 | 100% |
| 81 | Quyết định 2404/QĐ-SBH | 09/12/2020 | Phê duyệt KHLCNT đợt 11 năm 2020   | 100% |
| 82 | Quyết định 2431/QĐ-SBH | 14/12/2020 | Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán hạng mục: Xây dựng Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp     | 100% |
| 83 | Quyết định 2434/QĐ-SBH | 14/12/2020 | Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán hạng mục: Gia cố đá ốp tường hạ lưu và duy tu, sửa chữa cửa sổ nhà máy   | 100% |
| 84 | Quyết định 2528/QĐ-SBH | 25/12/2020 | Phê duyệt Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu gói 9: Thi công Trụ sở Công ty             | 100% |
| 85 | Nghị quyết 2539/QĐ-SBH | 28/12/2020 | Phê duyệt Kế hoạch quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ năm 2021  | 100% |
| 86 | Nghị quyết 2560/QĐ-SBH | 29/12/2020 | Phê duyệt chi 97% kế hoạch tiền lương năm 2020   | 100% |
| 87 | Nghị quyết 2583/QĐ-SBH | 31/12/2020 | Phê duyệt chủ trương Phương án nhân sự Trưởng, Phó Phòng Hành chính - Lao động và Phòng Kỹ thuật - An toàn       | 100% |



**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐIỀU HÀNH**

Trong năm 2020, Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban TGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty.

- HĐQT thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát đầy đủ, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; chỉ đạo Ban TGD trong hoạt động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; thường xuyên làm việc với Ban TGD, tham gia các cuộc họp giao ban tháng, các cuộc họp quan trọng của Công ty, ... để nắm bắt, theo dõi và chỉ đạo kịp thời trong các hoạt động của Công ty. HĐQT cũng đã kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đối với Ban TGD, và đồng thời đã tạo điều kiện thuận lợi và chỉ đạo, hỗ trợ Ban TGD kịp thời trong công tác điều hành và tạo điều kiện để BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất và thực hiện làm việc, hoạt động đúng quy định.
- Thông qua các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản, HĐQT cũng thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Sự phối hợp hoạt động và tinh thần đoàn kết nội bộ của Cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết, tạo tiền đề cho Công ty thực hiện và hoàn thành các mục tiêu theo định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra.

**DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT**

| STT | Họ và tên                  | Chức vụ        | Ngày bắt đầu thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS |
|-----|----------------------------|----------------|-----------------------------|----------------------------------|
| 01  | Ông Ngô Đức Thăng          | Trưởng BKS     | Từ 12/05/2016 đến nay       |                                  |
| 02  | Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương | Thành viên BKS | Từ 12/05/2016 đến nay       |                                  |
| 03  | Ông Tài Hoàng Nhật Quang   | Thành viên BKS | Từ 29/05/2020 đến nay       |                                  |
| 04  | Ông Đinh Văn Tiến          | Thành viên BKS | 12/05/2016                  | 29/05/2020                       |

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Ban Kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, trong năm 2020 đã lập kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty, đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị về tình hình chấp hành quy định của Công ty và thực thi pháp luật trong hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành.
- Trưởng BKS chuyên trách tham gia các cuộc họp đột xuất, giao ban sản xuất định kỳ, hàng tháng của Công ty và thường xuyên gặp gỡ trực tiếp, trao đổi bằng thư điện tử để nắm bắt tình hình công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty nhằm tăng cường giám sát đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông.
- BKS đã tiến hành công tác kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2020; thẩm định báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, năm đã được kiểm toán.
- BKS đã trực tiếp làm việc với các bộ phận, Phòng trong Công ty, kiểm tra hồ sơ, chứng từ kế toán, hồ sơ các công trình sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên, xây dựng cơ bản,...
- BKS họp định kỳ hàng quý cũng như thường xuyên trao đổi ý kiến rút kinh nghiệm các nội dung kiểm tra



## BAN KIỂM SOÁT

### CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên                  | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ | Lý do không tham dự họp                             |
|-----|----------------------------|---------|-------------|-------|---|
| 01  | Ông Ngô Đức Thăng          | 4/4     | 100%        | 100%  |   |
| 02  | Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương | 2/4     | 50%         | 100%  | Vắng 02 buổi có lý do                               |
| 03  | Ông Tài Hoàng Nhật Quang   | 1/2     | 50%         | 100%  | Bổ nhiệm từ ngày 29/05/2020, vắng 01 buổi có lý do  |
| 04  | Ông Đinh Văn Tiến          | 1/2     | 50%         | 100%  | Miễn nhiệm từ ngày 29/05/2020 vắng 01 buổi có lý do |

### SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Xây dựng mô hình quản trị và Quy chế hoạt động tại Công ty đáp ứng tốt yêu cầu quản lý điều hành; tạo lập được niềm tin đối với Chủ sở hữu, với các Cấp, Bộ, Ngành, chính quyền địa phương quản lý có liên quan. Công ty đã hoạt động ngày càng hiệu quả, phát triển, tạo được niềm tin cho toàn bộ Cán bộ - Người lao động và các Cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã sớm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách cụ thể và đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhất để đạt hiệu quả cao. Các hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng Pháp luật; quá trình triển khai Nghị quyết, quyết định theo đúng trình tự và tuân thủ chặt chẽ đúng quy trình của Nhà nước và quy chế, quy định hiện hành; việc giám sát thực hiện các quyết sách, chủ trương và định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tập trung quán triệt từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đến từng Phòng nghiệp vụ.
- Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị giao và đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh đạt về chỉ tiêu sản lượng điện sản xuất cũng như chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số quy định, quy chế quản lý nội bộ; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định của Pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm.

### HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, BKS tham dự, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT thông qua việc nhận đầy đủ hồ sơ tài liệu liên quan; tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban TGD để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty, từ đó BKS có ý kiến, kiến nghị kịp thời đối với HĐQT, Ban TGD nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được ĐHCĐ thông qua.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: KHÔNG PHÁT SINH

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: KHÔNG PHÁT SINH

**CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:** Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ







**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**

---

**PHẦN VI**





**Công ty Cổ phần Thủy điện  
Sông Ba Hạ**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ  
Thông tin về Công ty**

|  |  |  |
|--|--|--|
| <b>Giấy Chứng nhận<br/>Đăng ký Kinh doanh/<br/>Doanh nghiệp số</b> | 3603000101<br>4400415302<br>4400415302<br>4400415302 | ngày 28 tháng 12 năm 2007<br>ngày 14 tháng 11 năm 2011<br>ngày 17 tháng 10 năm 2016<br>ngày 8 tháng 3 năm 2018 |
|--|--|--|

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

|                                      |  |  |
|--------------------------------------|--|--|
| <b>Hội đồng Quản trị</b>             | Ông Nguyễn Văn Tạng<br>Ông Trần Lý<br>Ông Nguyễn Quang Quyền<br>Ông Nguyễn Anh Vũ<br><br>Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt<br><br>Ông Nguyễn Đức Phú<br><br>Ông Nguyễn Trọng Hiền | Chủ tịch<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>(từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)<br>Thành viên<br>(từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)<br>Thành viên<br>(đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)<br>Thành viên<br>(đến ngày 29 tháng 5 năm 2020) |
| <b>Ban Kiểm soát</b>                 | Ông Ngô Đức Thăng<br>Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương<br>Ông Tài Hoàng Nhật Quang<br><br>Ông Đinh Văn Tiến   | Trưởng Ban Kiểm soát<br>Thành viên<br>Thành viên<br>(từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)<br>Thành viên<br>(đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)  |
| <b>Ban Giám đốc</b>                  | Ông Trần Lý<br>Ông Nguyễn Đức Phú<br>Ông Châu Đình Quốc  | Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc  |
| <b>Người đại diện theo pháp luật</b> | Ông Trần Lý  | Tổng Giám đốc  |
| <b>Trụ sở đăng ký</b>                | Số 02C, Trần Hưng Đạo<br>Phường 1, Thành phố Tuy Hòa<br>Tỉnh Phú Yên<br>Việt Nam   |  |
| <b>Công ty kiểm toán</b>             | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam  |  |



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phú Yên, ngày 10 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: N.3782-2017-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

### Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND        | 1/1/2020<br>VND          |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |             |                          |                          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b> |             | <b>1.183.400.562.019</b> | <b>731.129.897.487</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                      | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>26.016.237.365</b>    | <b>7.839.964.474</b>     |
| Tiền   | 111        |             | 5.316.237.365            | 7.839.964.474            |
| Các khoản tương đương tiền                                     | 112        |             | 20.700.000.000           | -                        |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                               | <b>120</b> |             | <b>750.000.000.000</b>   | <b>602.455.515.068</b>   |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                | 123        | 6           | 750.000.000.000          | 602.455.515.068          |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                             | <b>130</b> |             | <b>403.771.895.393</b>   | <b>88.164.435.164</b>    |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                               | 131        | 7           | 380.133.392.430          | 63.557.169.384           |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                               | 132        |             | 1.984.453.000            | 1.310.694.569            |
| Phải thu ngắn hạn khác   | 136        | 8           | 21.654.049.963           | 23.296.571.211           |
| <b>Hàng tồn kho</b>  | <b>140</b> | <b>9</b>    | <b>3.597.829.133</b>     | <b>8.534.450.963</b>     |
| Hàng tồn kho   | 141        |             | 3.597.829.133            | 8.534.450.963            |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                   | <b>150</b> |             | <b>14.600.128</b>        | <b>24.135.531.818</b>    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                     | 151        |             | -                        | 24.135.531.818           |
| Thuế phải thu Nhà nước   | 153        | 14(b)       | 14.600.128               | -                        |
| <b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)                 | <b>200</b> |             | <b>1.339.327.503.999</b> | <b>1.512.296.742.936</b> |
| <b>Tài sản cố định</b>   | <b>220</b> |             | <b>1.320.524.064.000</b> | <b>1.493.008.935.937</b> |
| Tài sản cố định hữu hình                                       | 221        | 10          | 1.316.090.954.491        | 1.488.634.240.007        |
| Nguyên giá   | 222        |             | 4.209.559.888.581        | 4.189.464.418.368        |
| Giá trị hao mòn lũy kế   | 223        |             | (2.893.468.934.090)      | (2.700.830.178.361)      |
| Tài sản cố định vô hình  | 227        | 11          | 4.433.109.509            | 4.374.695.930            |
| Nguyên giá   | 228        |             | 5.405.087.448            | 5.180.816.448            |
| Giá trị hao mòn lũy kế   | 229        |             | (971.977.939)            | (806.120.518)            |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                                 | <b>240</b> |             | <b>2.197.656.371</b>     | <b>1.624.340.943</b>     |
| Xây dựng cơ bản dở dang  | 242        | 12          | 2.197.656.371            | 1.624.340.943            |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                    | <b>260</b> |             | <b>16.605.783.628</b>    | <b>17.663.466.056</b>    |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn                    | 263        |             | 16.605.783.628           | 17.663.466.056           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)                          | <b>270</b> |             | <b>2.522.728.066.018</b> | <b>2.243.426.640.423</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND        | 1/1/2020<br>VND          |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                |            |             |                          |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>            | <b>300</b> |             | <b>172.414.288.673</b>   | <b>202.079.689.151</b>   |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>158.914.288.673</b>   | <b>153.912.822.198</b>   |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 13          | 30.839.320.882           | 19.239.823.464           |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 14(a)       | 43.916.143.272           | 35.065.381.670           |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 14.362.931.495           | 7.316.818.300            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        |             | -                        | 1.620.953.841            |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 15          | 16.598.234.139           | 27.236.354.373           |
| Vay ngắn hạn                                    | 320        | 16          | 48.166.866.953           | 60.000.000.000           |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | 17          | 5.030.791.932            | 3.433.490.550            |
| <b>Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>13.500.000.000</b>    | <b>48.166.866.953</b>    |
| Vay dài hạn                                     | 338        | 16          | -                        | 48.166.866.953           |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | 13.500.000.000           | -                        |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>               | <b>400</b> |             | <b>2.350.313.777.345</b> | <b>2.041.346.951.272</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>18</b>   | <b>2.350.313.777.345</b> | <b>2.041.346.951.272</b> |
| Vốn cổ phần                                     | 411        | 19          | 1.242.250.000.000        | 1.242.250.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 1.242.250.000.000        | 1.242.250.000.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                            | 412        |             | 48.000.000.000           | 48.000.000.000           |
| Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        | 21          | 129.286.491.145          | 103.578.565.019          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | 930.777.286.200          | 647.518.386.253          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 550.685.075.777          | 499.712.799.168          |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 380.092.210.423          | 147.805.587.085          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>         | <b>440</b> |             | <b>2.522.728.066.018</b> | <b>2.243.426.640.423</b> |

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng

Trần Lý  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 02 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2020<br>VND            | 2019<br>VND            |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng</b>   | <b>01</b> | <b>23</b>   | <b>804.910.361.374</b> | <b>694.661.225.332</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>   | <b>11</b> | <b>24</b>   | <b>379.053.010.204</b> | <b>323.853.142.058</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>425.857.351.170</b> | <b>370.808.083.274</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 25          | 40.217.618.742         | 31.276.292.079         |
| Chi phí tài chính   | 22        |             | 7.470.167.516          | 19.303.068.738         |
| Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23        |             | 7.470.167.516          | 19.303.068.738         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 26          | 53.660.864.027         | 35.244.243.414         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)</b> | <b>30</b> |             | <b>404.943.938.369</b> | <b>347.537.063.201</b> |
| Thu nhập khác   | 31        |             | 588.339.808            | 445.981.454            |
| <b>Lợi nhuận khác (40 = 31)</b>   | <b>40</b> |             | <b>588.339.808</b>     | <b>445.981.454</b>     |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                        | <b>50</b> |             | <b>405.532.278.177</b> | <b>347.983.044.655</b> |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>51</b> | <b>28</b>   | <b>25.440.067.754</b>  | <b>13.839.957.570</b>  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>                             | <b>60</b> |             | <b>380.092.210.423</b> | <b>334.143.087.085</b> |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>  |           |             |                        |                        |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70        | 29          | 3.060                  | 2.690                  |

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng

Trần Lý  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | 2020 VND                 | 2019 VND                 |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |           |                          |                          |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b> | <b>405.532.278.177</b>   | <b>347.983.044.655</b>   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |           |                          |                          |
| Khấu hao và phân bổ  | 02        | 192.909.025.685          | 192.318.787.233          |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        | (40.355.982.378)         | (31.645.007.088)         |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 7.470.167.516            | 19.303.068.738           |
| Các khoản điều chỉnh khác  | 07        | 13.500.000.000           | -                        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b> | <b>579.055.489.000</b>   | <b>527.959.893.538</b>   |
| Biến động các khoản phải thu   | 09        | (314.223.302.812)        | 3.809.947.320            |
| Biến động hàng tồn kho   | 10        | 5.994.304.258            | (3.518.405.971)          |
| Biến động các khoản phải trả   | 11        | 41.431.810.483           | 3.265.348.052            |
| Biến động chi phí trả trước  | 12        | 24.135.531.818           | (24.135.531.818)         |
|  |           | <b>336.393.832.747</b>   | <b>507.381.251.121</b>   |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (7.470.167.516)          | (22.183.555.256)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | (29.298.675.829)         | (12.524.057.048)         |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     | 17        | (7.379.962.524)          | (7.278.186.663)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                       | <b>20</b> | <b>292.245.026.878</b>   | <b>465.395.452.154</b>   |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                 |           |                          |                          |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                 | 21        | (21.033.089.620)         | (6.484.970.770)          |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                           | 22        | 138.363.636              | 382.129.061              |
| Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn  | 23        | (954.000.000.000)        | (676.104.734.246)        |
| Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn   | 24        | 806.455.515.068          | 494.649.219.178          |
| Tiền thu lãi tiền gửi  | 27        | 38.818.861.197           | 26.083.320.504           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                           | <b>30</b> | <b>(129.620.349.719)</b> | <b>(161.475.036.273)</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số     | 2020 VND                 | 2019 VND                 |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                     |           |                          |                          |
| Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | (60.000.000.000)         | (60.000.000.000)         |
| Tiền trả cổ tức   | 36        | (84.448.404.268)         | (359.134.421.400)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                               | <b>40</b> | <b>(144.448.404.268)</b> | <b>(419.134.421.400)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>                        | <b>50</b> | <b>18.176.272.891</b>    | <b>(115.214.005.519)</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                                 | <b>60</b> | <b>7.839.964.474</b>     | <b>123.053.969.993</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b> | <b>70</b> | <b>26.016.237.365</b>    | <b>7.839.964.474</b>     |

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:

  
 Đặng Thị Lan  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Đoàn Thị Mỹ Đông  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 7 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là SBH.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện; dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp.
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 115 nhân viên (1/1/2020: 121 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá bán chuyển khoản và tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 8 - 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 - 10 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 5 - 10 năm  |

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hệ quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                | 31/12/2020<br>VND     | 1/1/2020<br>VND      |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                       | 588.515.930           | 253.589.011          |
| Tiền gửi ngân hàng             | 4.727.721.435         | 7.586.375.463        |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 20.700.000.000        | -                    |
|                                | <b>26.016.237.365</b> | <b>7.839.964.474</b> |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 3%.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|   | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm | 750.000.000.000   | 602.455.515.068 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này này hưởng lãi suất năm từ 4,9% đến 7,1% (1/1/2020: từ 5,6% đến 7,4%).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|  | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, một bên liên quan | 380.133.392.430   | 63.557.169.384  |

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.





**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | 31/12/2020<br>VND     | 1/1/2020<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu lãi tiền gửi                                  | 16.122.019.178        | 14.723.261.633        |
| Phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán công trình | 217.500.000           | 2.780.568.069         |
| Tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án Trụ sở Công ty  | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         |
| Các khoản phải thu khác                                | 314.530.785           | 792.741.509           |
|  | <b>21.654.049.963</b> | <b>23.296.571.211</b> |

**9. Hàng tồn kho**

|                  | 31/12/2020<br>Giá gốc<br>VND | 1/1/2020<br>Giá gốc<br>VND |
|------------------|------------------------------|----------------------------|
| Nguyên vật liệu  | 3.534.384.773                | 8.060.501.194              |
| Công cụ, dụng cụ | 63.444.360                   | 473.949.769                |
|                  | <b>3.597.829.133</b>         | <b>8.534.450.963</b>       |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

|                                   | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc và<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận chuyển<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tổng<br>VND              |
|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                                  |                               |                                  |                              |                          |
| Số dư đầu năm                     | 2.744.720.066.878                | 1.431.453.201.600             | 7.043.057.165                    | 6.248.092.725                | 4.189.464.418.368        |
| Tăng trong năm                    | -                                | 63.345.455                    | -                                | 14.663.068.454               | 14.726.413.909           |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 5.182.725.647                    | -                             | -                                | 326.363.636                  | 5.509.089.283            |
| Thanh lý                          | -                                | -                             | (140.032.979)                    | -                            | (140.032.979)            |
| Số dư cuối kỳ                     | <b>2.749.902.792.525</b>         | <b>1.431.516.547.055</b>      | <b>6.903.024.186</b>             | <b>21.237.524.815</b>        | <b>4.209.559.888.581</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                                  |                               |                                  |                              |                          |
| Số dư đầu năm                     | 1.516.962.115.687                | 1.178.206.232.735             | 2.544.074.055                    | 3.117.755.884                | 2.700.830.178.361        |
| Khấu hao trong năm                | 134.229.821.800                  | 56.312.046.058                | 499.114.800                      | 1.737.806.050                | 192.778.788.708          |
| Thanh lý                          | -                                | -                             | (140.032.979)                    | -                            | (140.032.979)            |
| Số dư cuối năm                    | <b>1.651.191.937.487</b>         | <b>1.234.518.278.793</b>      | <b>2.903.155.876</b>             | <b>4.855.561.934</b>         | <b>2.893.468.934.090</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                                  |                               |                                  |                              |                          |
| Số dư đầu năm                     | 1.227.757.951.191                | 253.246.968.865               | 4.498.983.110                    | 3.130.336.841                | 1.488.634.240.007        |
| Số dư cuối năm                    | <b>1.098.710.855.038</b>         | <b>196.998.268.262</b>        | <b>3.999.868.310</b>             | <b>16.381.962.881</b>        | <b>1.316.090.954.491</b> |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 36 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 34 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 16, các tài sản hình thành từ vốn vay của khoản vay từ Tổng Công ty Phát điện 2, Công ty mẹ, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                               | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm máy vi tính<br>VND | Tổng<br>VND   |
|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                          |                             |               |
| Số dư đầu năm                 | 4.500.000.000            | 680.816.448                 | 5.180.816.448 |
| Tăng trong năm                | -                        | 224.271.000                 | 224.271.000   |
| Số dư cuối năm                | 4.500.000.000            | 905.087.448                 | 5.405.087.448 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                          |                             |               |
| Số dư đầu năm                 | 292.500.000              | 513.620.518                 | 806.120.518   |
| Khấu hao trong năm            | 90.000.000               | 75.857.421                  | 165.857.421   |
| Số dư cuối năm                | 382.500.000              | 589.477.939                 | 971.977.939   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                          |                             |               |
| Số dư đầu năm                 | 4.207.500.000            | 167.195.930                 | 4.374.695.930 |
| Số dư cuối năm                | 4.117.500.000            | 315.609.509                 | 4.433.109.509 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 383 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 383 triệu VND).

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

|   | 2020<br>VND      | 2019<br>VND      |
|---|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                                   | 1.624.340.943    | 1.320.816.673    |
| Tăng trong năm                                  | 61.902.176.271   | 16.959.586.553   |
| Xây dựng cơ bản dở dang                         | 6.082.404.711    | 2.565.258.361    |
| Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định         | 55.819.771.560   | 14.394.328.192   |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình            | (5.509.089.283)  | (2.261.734.091)  |
| Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | (55.819.771.560) | (14.394.328.192) |
| Số dư cuối năm                                  | 2.197.656.371    | 1.624.340.943    |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|  | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Xây dựng Trụ sở Công ty ở đường Hùng Vương | 1.698.350.607     | 661.973.361     |
| Khác                                       | 499.305.764       | 962.367.582     |
|  | 2.197.656.371     | 1.624.340.943   |

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

|   | Giá gốc và số có khả năng trả nợ<br>31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|---|---|-----------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp S5T Việt Nam     | 16.129.221.000  | 5.175.317.000   |
| Công ty Cổ phần VSBCO Việt Nam                          | 6.654.371.451   | -               |
| Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi | -   | 6.077.900.656   |
| Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Phú Yên                     | -   | 2.058.046.138   |
| Các nhà cung cấp khác                                   | 8.055.728.431   | 5.928.559.670   |
|   | 30.839.320.882  | 19.239.823.464  |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

|  | Giá gốc và số có khả năng trả nợ<br>31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|---|-----------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1     | 241.175.000   | 672.431.103     |
| Tổng công ty Phát điện 2- Công ty TNHH MTV | 69.966.873  | -               |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam                 | 120.011.140   | 18.784.445      |

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|   | 1/1/2020<br>VND       | Số phát sinh<br>trong năm<br>VND | Số đã nộp/cán trừ<br>trong năm<br>VND | Chuyển sang thuế<br>phải thu<br>VND | 31/12/2020<br>VND     |
|---|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| <b>Thuế</b>   |                       |                                  |                                       |                                     |                       |
| Thuế giá trị gia tăng   | 11.333.145.884        | 68.856.683.390                   | (67.546.489.469)                      | -                                   | 12.643.339.805        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 10.377.551.474        | 25.440.067.754                   | (29.298.675.829)                      | -                                   | 6.518.943.399         |
| Thuế thu nhập cá nhân   | 73.015.047            | 542.659.906                      | (630.275.081)                         | 14.600.128                          | -                     |
| Thuế tài nguyên   | 3.503.718.201         | 62.040.319.764                   | (55.412.474.585)                      | -                                   | 10.131.563.380        |
| Thuế khác   | -                     | 108.805.035                      | (108.805.035)                         | -                                   | -                     |
| <b>Các khoản phải nộp khác</b>  |                       |                                  |                                       |                                     |                       |
| Phí dịch vụ môi trường rừng và phí<br>cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 9.777.951.064         | 31.208.652.592                   | (26.364.306.968)                      | -                                   | 14.622.296.688        |
|   | <b>35.065.381.670</b> | <b>188.197.188.441</b>           | <b>(179.361.026.967)</b>              | <b>14.600.128</b>                   | <b>43.916.143.272</b> |

24



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

|                       | 1/1/2020<br>VND | Số phát sinh<br>VND | Chuyển từ thuế<br>phải nộp<br>VND | 31/12/2020<br>VND |
|-----------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | -               | -                   | 14.600.128                        | 14.600.128        |

25





**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | 31/12/2020<br>VND     | 1/1/2020<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức phải trả  | 396.643.288           | 22.732.547.556        |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện tháng 12 chưa xuất hóa đơn | 16.185.928.505        | 4.491.563.211         |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn  | 12.934.437            | 2.193.206             |
| Các khoản phải trả khác  | 2.727.909             | 10.050.400            |
|  | <b>16.598.234.139</b> | <b>27.236.354.373</b> |

**16. Vay ngắn hạn và dài hạn**

|   | Giá gốc và<br>Số có khả năng trả nợ |                        |
|---|-------------------------------------|------------------------|
|   | 2020<br>VND                         | 2019<br>VND            |
| Số dư đầu năm                             | 108.166.866.953                     | 307.197.760.075        |
| Trả nợ gốc trong năm                      | (60.000.000.000)                    | (60.000.000.000)       |
| Cần trừ với nợ phải thu trong năm         | -                                   | (139.030.893.122)      |
|   | <b>48.166.866.953</b>               | <b>108.166.866.953</b> |
| Số dư cuối năm                            |                                     |                        |
| Trong đó:                                 |                                     |                        |
|   | 31/12/2020<br>VND                   | 1/1/2020<br>VND        |
| Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 48.166.866.953                      | 60.000.000.000         |
| Khoản vay đến hạn trả sau 12 tháng        | -                                   | 48.166.866.953         |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| Loại<br>tiền   | Lãi suất năm                                    | Năm<br>đáo hạn | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|---|----------------|-------------------|-----------------|
| <b>Vay lại từ Tổng Công ty<br/>Phát điện 2 – Công ty TNHH<br/>Một Thành Viên, công ty mẹ</b> |   |                |                   |                 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện<br>Phả Lại  | Lãi suất tiền<br>gửi 12 tháng<br>bình quân + 1% | 2021           | 48.166.866.953    | 108.166.866.953 |

Khoản vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 là khoản vay theo Hợp đồng cho vay lại số 02/GENCO2-SÔNG BA HẠ/TCKT ngày 12 tháng 12 năm 2016 từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng số hạn mức tín dụng là 380 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22 tháng 12 năm 2016), với lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của bốn ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) cộng với lãi suất biên là 1%, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty. Khoản nợ gốc phải trả trong 2 năm đầu tiên là 10 tỷ VND/năm và trong 6 năm tiếp theo là 60 tỷ VND/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|   | 2020<br>VND          | 2019<br>VND          |
|---|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm                           | 3.433.490.550        | 3.250.696.338        |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)    | 9.012.884.350        | 7.460.980.875        |
| Sử dụng trong năm                       | (7.379.962.524)      | (7.278.186.663)      |
| Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm | (35.620.444)         | -                    |
|   | <b>5.030.791.932</b> | <b>3.433.490.550</b> |
| Số dư cuối năm                          |                      |                      |



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|  | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Quý đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng<br>VND       |
|--|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|-------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>             | 1.242.250.000.000  | 48.000.000.000                 | 49.433.250.349                  | 685.544.094.713                             | 2.025.227.345.062 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                            | -                  | -                              | -                               | 334.143.087.085                             | 334.143.087.085   |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)     | -                  | -                              | 54.145.314.670                  | (54.145.314.670)                            | -                 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | -                  | -                              | -                               | (7.460.980.875)                             | (7.460.980.875)   |
| Cổ tức (Thuyết minh 20)                              | -                  | -                              | -                               | (310.562.500.000)                           | (310.562.500.000) |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>             | 1.242.250.000.000  | 48.000.000.000                 | 103.578.565.019                 | 647.518.386.253                             | 2.041.346.951.272 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                            | -                  | -                              | -                               | 380.092.210.423                             | 380.092.210.423   |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)     | -                  | -                              | 25.707.926.126                  | (25.707.926.126)                            | -                 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | -                  | -                              | -                               | (9.012.884.350)                             | (9.012.884.350)   |
| Cổ tức (Thuyết minh 20)                              | -                  | -                              | -                               | (62.112.500.000)                            | (62.112.500.000)  |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>           | 1.242.250.000.000  | 48.000.000.000                 | 129.286.491.145                 | 930.777.286.200                             | 2.350.313.777.345 |

28

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|   | 31/12/2020  |                   | 1/1/2020    |                   |
|---|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
|   | Số cổ phiếu | VND               | Số cổ phiếu | VND               |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b> |             |                   |             |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 124.225.000 | 1.242.250.000.000 | 124.225.000 | 1.242.250.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>              |             |                   |             |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 124.225.000 | 1.242.250.000.000 | 124.225.000 | 1.242.250.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo:

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

|  | Số lượng cổ<br>phiếu phổ thông | Vốn cổ phần       | Tỉ lệ sở hữu<br>(%) |
|--|--------------------------------|-------------------|---------------------|
| Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên | 76.740.931                     | 767.409.310.000   | 61,78%              |
| Công ty TNHH Năng Lượng REE                            | 32.000.000                     | 320.000.000.000   | 25,76%              |
| Các cổ đông khác                                       | 15.484.069                     | 154.840.690.000   | 12,46%              |
|  | 124.225.000                    | 1.242.250.000.000 | 100,00%             |

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020**

|  | Số lượng cổ<br>phiếu phổ thông | Vốn cổ phần       | Tỉ lệ sở hữu<br>(%) |
|--|--------------------------------|-------------------|---------------------|
| Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên | 76.740.931                     | 767.409.310.000   | 61,78%              |
| Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh                           | 32.000.000                     | 320.000.000.000   | 25,76%              |
| Các cổ đông khác                                       | 15.484.069                     | 154.840.690.000   | 12,46%              |
|  | 124.225.000                    | 1.242.250.000.000 | 100,00%             |

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.

29



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 248.450 triệu VND, tương ứng 20% vốn điều lệ của Công ty, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 186.338 triệu VND trong năm 2019 (năm 2019: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông 310.563 triệu VND, tương ứng 25% vốn điều lệ của Công ty, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 186.338 triệu VND trong năm 2018).

**21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong năm của quỹ đầu tư phát triển như sau:

|                                      | 2020<br>VND     | 2019<br>VND     |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                        | 103.578.565.019 | 49.433.250.349  |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 18) | 25.707.926.126  | 54.145.314.670  |
| Số dư cuối năm                       | 129.286.491.145 | 103.578.565.019 |

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

|  | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 39.812.344.551    | 46.031.447.444  |

**23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng (điện) đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Giá vốn hàng bán**

|                                      | 2020<br>VND     | 2019<br>VND     |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí khấu hao và phân bổ          | 192.477.101.886 | 191.784.356.791 |
| Chi phí nhân công                    | 18.275.372.183  | 15.143.266.049  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 4.137.081.286   | 5.505.314.202   |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 55.819.771.560  | 14.394.328.192  |
| Chi phí nguyên vật liệu              | 1.288.428.838   | 582.061.545     |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí          | 93.245.972.356  | 75.923.467.209  |
| Chi phí khác                         | 13.809.282.095  | 20.520.348.070  |
|                                      | 379.053.010.204 | 323.853.142.058 |

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                | 2020<br>VND    | 2019<br>VND    |
|--------------------------------|----------------|----------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi          | 40.217.618.742 | 31.262.878.027 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | -              | 13.414.052     |
|                                | 40.217.618.742 | 31.276.292.079 |

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | 2020<br>VND    | 2019<br>VND    |
|--|----------------|----------------|
| Chi phí nhân viên                              | 20.462.552.264 | 18.246.231.593 |
| Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 13.500.000.000 | -              |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 431.923.799    | 534.430.442    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 3.731.712.041  | 3.463.461.953  |
| Chi phí khác                                   | 15.534.675.923 | 13.000.119.426 |
|  | 53.660.864.027 | 35.244.243.414 |



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | 2020<br>VND     | 2019<br>VND     |
|--|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 1.897.510.000   | 1.581.050.000   |
| Chi phí nhân công                              | 38.737.924.447  | 33.389.497.642  |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 192.909.025.685 | 192.318.787.233 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 7.868.793.327   | 8.968.776.155   |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí                    | 93.245.972.356  | 75.923.467.209  |
| Chi phí khác                                   | 98.054.648.416  | 46.915.807.233  |

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|                                     | 2020<br>VND    | 2019<br>VND     |
|-------------------------------------|----------------|-----------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành         |                |                 |
| Năm hiện hành                       | 25.440.067.754 | 19.308.725.530  |
| Dự phòng thừa trong những năm trước | -              | (5.468.767.960) |
|                                     | 25.440.067.754 | 13.839.957.570  |

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|  | 2020<br>VND      | 2019<br>VND      |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế   | 405.532.278.177  | 347.983.044.655  |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty                                     | 40.553.227.818   | 34.798.304.466   |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | 3.333.579.103    | 1.241.920.480    |
| Chi phí không được khấu trừ thuế   | 326.170.381      | 93.385.154       |
| Ưu đãi thuế  | (18.772.909.548) | (16.824.884.570) |
| Dự phòng thừa trong những năm trước                                      | -                | (5.468.767.960)  |
|  | 25.440.067.754   | 13.839.957.570   |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|  | 2020<br>VND     | 2019<br>VND     |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm                    | 380.092.210.423 | 334.143.087.085 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | -               | -               |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông   | 380.092.210.423 | 334.143.087.085 |

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

|   | 2020<br>Cổ phiếu | 2019<br>Cổ phiếu |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang                                   | 124.225.000      | 124.225.000      |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm                               | -                | -                |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 | 124.225.000      | 124.225.000      |



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|                                  | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|----------------------------------|-------------|-------------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng               | (i)         | 4.727.721.435     | 7.586.375.463   |
| Các khoản tương đương tiền       | (i)         | 20.700.000.000    | -               |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  | (i)         | 750.000.000.000   | 602.455.515.068 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | (ii)        | 380.133.392.430   | 63.557.169.384  |
| Phải thu ngắn hạn khác           | (ii)        | 21.654.049.963    | 23.296.571.211  |
|                                  |             | <hr/>             | <hr/>           |
|                                  |             | 1.177.215.163.828 | 696.895.631.126 |

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam và dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Lịch sử từ hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không).

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2020      | Giá trị ghi số<br>VND | Dòng tiền<br>theo hợp đồng<br>VND | Trong vòng<br>1 năm<br>VND | 1 - 2 năm<br>VND |                  | 2 - 5 năm<br>VND |   |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------|------------------|------------------|------------------|---|
|                                |                       |                                   |                            | 1 - 2 năm<br>VND | 2 - 5 năm<br>VND |                  |   |
| Phải trả người bán ngắn hạn    | 30.839.320.882        | 30.839.320.882                    | 30.839.320.882             | -                | -                | -                | - |
| Phải trả ngắn hạn khác         | 16.598.234.139        | 16.598.234.139                    | 16.598.234.139             | -                | -                | -                | - |
| Vay dài hạn                    | 48.166.866.953        | 51.489.176.601                    | 51.489.176.601             | -                | -                | -                | - |
|                                | 95.604.421.974        | 98.926.731.622                    | 98.926.731.622             | -                | -                | -                | - |
| <b>Ngày 1 tháng 1 năm 2020</b> |                       |                                   |                            |                  |                  |                  |   |
| Phải trả người bán ngắn hạn    | 19.239.823.464        | 19.239.823.464                    | 19.239.823.464             | -                | -                | -                | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn      | 1.620.953.841         | 1.620.953.841                     | 1.620.953.841              | -                | -                | -                | - |
| Phải trả ngắn hạn khác         | 22.744.791.162        | 22.744.791.162                    | 22.744.791.162             | -                | -                | -                | - |
| Vay dài hạn                    | 108.166.866.953       | 120.316.770.506                   | 68.434.632.549             | 51.882.137.957   | -                | -                | - |
|                                | 151.772.435.420       | 163.922.338.973                   | 112.040.201.016            | 51.882.137.957   | -                | -                | - |

36

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) **Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định          | Giá trị ghi số         |                        |
|--|------------------------|------------------------|
|  | 31/12/2020<br>VND      | 1/1/2020<br>VND        |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng                               | 4.727.721.435          | 7.586.375.463          |
| ▪ Các khoản tương đương tiền                       | 20.700.000.000         | -                      |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 750.000.000.000        | 602.455.515.068        |
|  | <b>754.727.721.435</b> | <b>610.041.890.531</b> |
| <b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b> |                        |                        |
| ▪ Vay dài hạn                                      | (48.166.866.953)       | (108.166.866.953)      |

**Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi**

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 385 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Công ty (2019: 865 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(ii) **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không chịu ảnh hưởng đáng kể của rủi ro tỷ giá hối đoái do Công ty không có tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ trọng yếu.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) **Giá trị hợp lý**

(i) **Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

|  | Giá trị ghi sổ           |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | 31/12/2020<br>VND        | 1/1/2020<br>VND          |
| <b>Tài sản tài chính</b>   |                          |                          |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>                            |                          |                          |
| ▪ Tiền và các khoản tương đương tiền   | 26.016.237.365           | 7.839.964.474            |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  | 750.000.000.000          | 602.455.515.068          |
| ▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 380.133.392.430          | 63.557.169.384           |
| ▪ Phải thu ngắn hạn khác   | 21.654.049.963           | 23.296.571.211           |
|  | <b>1.177.803.679.758</b> | <b>697.149.220.137</b>   |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>   |                          |                          |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i> |                          |                          |
| ▪ Phải trả người bán ngắn hạn  | (30.839.320.882)         | (19.239.823.464)         |
| ▪ Chi phí phải trả ngắn hạn  | -                        | (1.620.953.841)          |
| ▪ Phải trả ngắn hạn khác   | (16.598.234.139)         | (27.236.354.373)         |
| ▪ Vay dài hạn  | (48.166.866.953)         | (108.166.866.953)        |
|  | <b>(95.604.421.974)</b>  | <b>(156.263.998.631)</b> |

(ii) **Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|   | Giá trị giao dịch |                 |
|---|-------------------|-----------------|
|   | 2020<br>VND       | 2019<br>VND     |
| <b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>                                |                   |                 |
| <b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>                             |                   |                 |
| Chi phí lãi vay   | -                 | 6.640.133.085   |
| Mua dịch vụ   | 777.378.304       | -               |
| <b>Công ty mẹ</b>   |                   |                 |
| <b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên</b> |                   |                 |
| Chia cổ tức   | 38.370.465.500    | 191.852.327.500 |
| Chi phí lãi vay   | 7.470.167.516     | 12.662.935.653  |
| Trả nợ gốc vay  | 60.000.000.000    | -               |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                                 |                   |                 |
| <b>Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>      |                   |                 |
| Doanh thu bán điện  | 804.910.361.374   | 694.661.225.332 |
| <b>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>                         |                   |                 |
| Chia cổ tức   | 17.920.000.000    | 22.400.000.000  |
| <b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>                       |                   |                 |
| Chia cổ tức   | 8.000.000.000     | 10.000.000.000  |
| <b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi</b>  |                   |                 |
| Chia cổ tức   | 2.560.000.000     | 3.200.000.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>                 |                   |                 |
| Mua dịch vụ   | -                 | 1.557.530.632   |
| <b>Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh</b>                           |                   |                 |
| Chia cổ tức   | 16.000.000.000    | 128.000.000.000 |
| <b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>                               |                   |                 |
| <b>Tổng Giám đốc</b>  |                   |                 |
| Tiền lương và thưởng  | 754.171.375       | 749.013.000     |
| <b>Thành viên khác của Ban Giám đốc</b>                       |                   |                 |
| Tiền lương và thưởng  | 1.724.870.000     | 1.560.835.000   |
| <b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>                           |                   |                 |
| Tiền lương và thù lao   | 987.383.000       | 860.815.000     |



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Giá trị giao dịch |      |
|-------------------|------|
| 2020              | 2019 |
| VND               | VND  |

**Thành viên Ban Kiểm soát**  
Tiền lương và thù lao

|             |             |
|-------------|-------------|
| 713.967.000 | 687.450.000 |
|-------------|-------------|

**32. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:

  
Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng

  
Trần Lý  
Tổng Giám đốc



Thành phố Tuy Hòa, ngày 06 tháng 4 năm 2021  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN LÝ

